



Mục lục

SỰ KIỆN

3 VŨ VĂN HIỀN:

Đảng quang vinh, rạng rỡ cơ đồ đất nước

7 TẠ NGỌC TẤN:

Cuốn sách “Một số vấn đề lý luận, thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: Cơ sở quan trọng cho tổng kết đường lối đổi mới của Đảng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

22 ĐOÀN MINH HUẤN

Sự lãnh đạo của Đảng, vai trò hệ thống chính trị và phát huy dân chủ ở nông thôn

37 **LÊ MINH THÔNG:**

Phương hướng xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045

53 **TRẦN VI DÂN:**

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

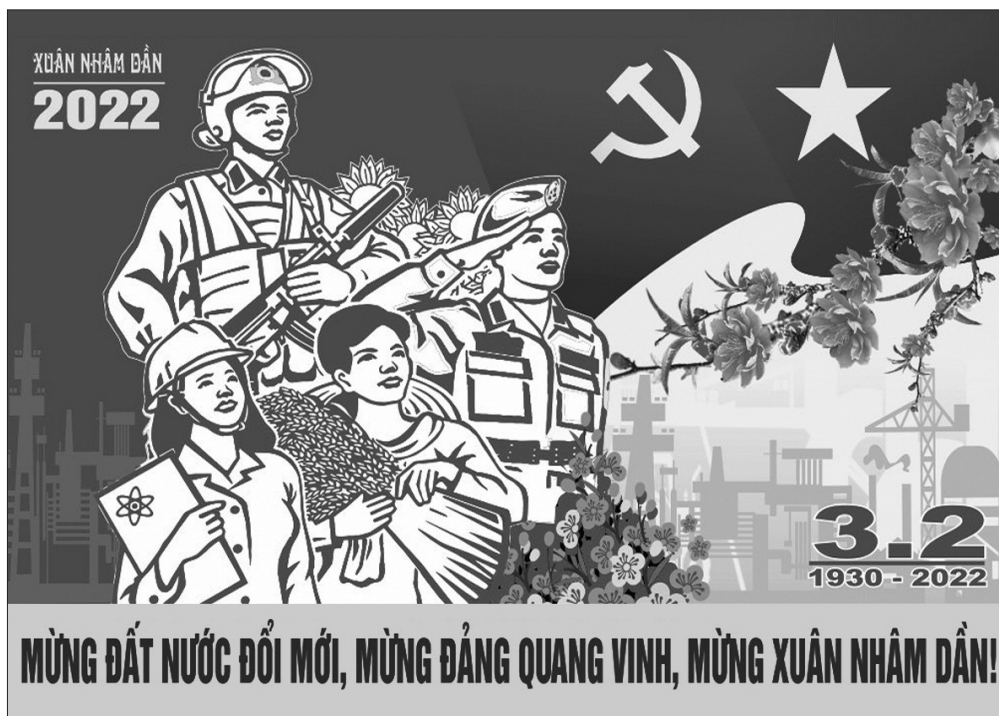
69 **Ra mắt sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẢNG QUANG VINH, RẠNG RỠ CƠ ĐỒ ĐẤT NƯỚC

● GS, TS VŨ VĂN HIỀN



Kỷ niệm 92 năm Đảng Cộng sản Việt Nam trong ấm áp mùa xuân, chúng ta càng thấy tự hào về Đảng quang vinh và sáng

tươi cơ đồ của đất nước hôm nay.

Thời gian qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân rất phấn chấn, tự hào với sự đánh giá sâu sắc, truyền cảm của

GS.TS, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và tiếp đó là sự khẳng định trịnh trọng trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng: “Đất nước ta chưa bao giờ được cơ đồ, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay”. Vậy chúng ta cùng tìm hiểu về cơ đồ đất nước, việc tạo dựng, bảo vệ cơ đồ đất nước và sự lớn lao, tươi sáng của cơ đồ đất nước hiện nay.

Thật khó để có quan niệm chuẩn xác về cơ đồ đất nước nhưng có thể coi cơ đồ đất nước là thành quả của những sự nghiệp, những mục tiêu, lý tưởng lớn với những giá trị bền vững và ngày càng gia tăng về vật chất và tinh thần. Cơ đồ đất nước là giang sơn gấm vóc, là lãnh thổ toàn vẹn và độc lập, là một đất nước hùng cường, chế độ xã hội tốt đẹp, nhân dân hạnh phúc.

Quan niệm như vậy sẽ thấy trước tiên là hình hài của đất nước. Nhà thơ Tố Hữu từng thốt lên cảm xúc: “Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi!”. Chế Lan Viên cũng có câu thơ rất hay: “Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm! Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?”. Cơ đồ đất nước được nhận thấy trước tiên là vẻ đẹp nhưng chắc chắn có nhiều tố chất nữa tạo nên cơ đồ đất nước. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã

khắc họa cuộc đời của Từ Hải từ những tố chất anh hùng, ý chí kiên cường làm nên sự nghiệp lẫy lừng đến khi vụt tắt. Một Từ Hải “Chọc trời, khuấy nước mặc dầu; dọc ngang nào biết trên đầu có ai” để có một thành quả “Nghênh ngang một cõi biên thùy; Triều đình riêng một góc trời; gồm hai vắn võ rạch đôi sơn hà”. Để rồi khi nghe theo lời Thúy Kiều để về với triều đình, Từ Hải vô cùng bần khoản, nuối tiếc: “Một tay xây dựng cơ đồ; bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành”.

Như thế cho thấy cơ đồ là thành quả của sự nghiệp lớn lao và cơ đồ của đất nước trước hết là có lãnh thổ vì đó là không gian sinh tồn, phát triển của quốc gia, dân tộc. Phải quyết chí theo một sự nghiệp lớn và trải qua muôn vàn gian khổ mới tạo lập được cơ đồ. Nhưng có được cơ đồ bước đầu đã khó, giữ cơ đồ còn khó hơn nhiều. Giữ được cơ đồ trước hết phải giữ được độc lập của quốc gia, dân tộc. Danh tướng vĩ đại Lý Thường Kiệt phá tan quân Tống cùng với Tuyên ngôn độc lập đầu tiên trong lịch sử nước ta là bài thơ “Nam quốc sơn hà”: “Sông núi nước Nam vua Nam ở; Rành rành địa phận tại sách trời; Cớ sao lũ giặc sang xâm

phạm; Chúng bay sẽ được đánh toi bời”. Trong thiên cổ hùng văn “Bình Ngô đại cáo”, tuyên ngôn độc lập thứ hai trong lịch sử Việt Nam, Nguyễn Trãi khẳng định danh thếp: “Như nước Đại Việt ta từ trước; Vốn xưng nền văn hiến đã lâu; Núi sông bờ cõi đã chia; Phong tục Bắc Nam cũng khác; Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”. Thái sư Trần Quang Khải để lại muôn đời công trạng hiển hách cùng những câu thơ nổi tiếng: “Chương Dương cướp giáo giặc; Hàm Tử bắt quân thù; Thái bình nên gắng sức; Non nước ấy ngàn thu”.

Trong suốt chiều dài lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc, ông cha ta đã mở mang bờ cõi, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, vừa xây dựng cơ đồ đất nước, vừa kiên quyết đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chiến thắng nhiều đế quốc hung hãn, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và độc lập dân tộc. Nhưng khi thực dân Pháp xâm lược, triều đình nhà Nguyễn đã không giữ được cơ đồ. Phát huy truyền thống yêu nước, các tầng lớp nhân dân ta đã liên tiếp vùng lên chống giặc nhưng tất cả đều bị dìm

trong máu lửa. Sự đô hộ của thực dân Pháp gần một thế kỷ đã chúng tỏ cả giai cấp phong kiến và đại diện cho các thế lực tư sản đã hết vai trò lịch sử, vận mệnh của dân tộc và cơ đồ của đất nước lâm vào tình thế bế tắc, không có đường ra. Vấn đề bức thiết đặt ra là bằng con đường nào, cách thức nào, tổ chức lực lượng thế nào để đánh đuổi thực dân Pháp, giành lại độc lập dân tộc và đưa đất nước phát triển.

Lịch sử đã có lời giải đáp. Hơn ai hết, chính Nguyễn Ái Quốc sau này là Hồ Chí Minh, trong suốt 30 năm trên đường cứu nước, Người đã nhận rõ con đường giành độc lập dân tộc phải là con đường cách mạng vô sản. Nguyễn Ái Quốc đã gieo hạt, gây mầm và tạo dựng sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Với kỳ công của Nguyễn Ái Quốc, Chủ nghĩa Mác Lê-nin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam chuyển hóa thành sự kiện trọng đại: Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Từ đó đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó

khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa nước ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đó là thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử sau hơn 35 năm đổi mới. Thành quả của công cuộc đổi mới là chúng ta xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, xây dựng và phát triển mạnh mẽ nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân vững chắc, đủ sức bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và bình ổn đất nước.

Rõ ràng, chặng đường từ khi có Đảng là chặng đường rất đổi vinh quang trong sự nghiệp giải phóng dân

tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng cơ đồ đất nước. Thực tế đã chứng tỏ con đường cách mạng giải phóng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội là hết sức đúng đắn, sáng tạo. Và hiện nay đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế do Đảng ta khởi xây, lãnh đạo, tổ chức thực hiện rất phù hợp với nhịp bước của thời đại. Đổi mới và hội nhập quốc tế là hai nhiệm vụ chiến lược thực hiện mục tiêu chung phát triển cơ đồ đất nước. Thành công của sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế đã làm thay đổi rõ rệt diện mạo của đất nước, tăng cường xung lực cho đời sống xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ta. Cơ đồ đất nước ngày càng lớn mạnh, vững chắc tạo phong độ mới, thế mới, lực mới để Việt Nam vươn tầm, có đủ sức lực và trí tuệ để sánh vai cùng bạn bè thế giới. Đất nước ta ngày càng phát triển, cơ đồ đất nước chưa bao giờ có được như hiện nay. Chúng ta tin tưởng vững chắc rằng với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng quang vinh, cơ đồ đất nước Việt Nam sẽ ngày càng tươi sáng với mục tiêu cao đẹp: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội ■

CUỐN SÁCH

“MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM” CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG: CƠ SỞ QUAN TRỌNG CHO TỔNG KẾT ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

● GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII do đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày nêu rõ: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa”. Vậy “lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con

đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta” là gì, được phát triển, hoàn thiện ra sao, và được từng bước được hiện thực hóa như thế nào? Cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng do Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản sẽ trả lời những câu hỏi đó.

Mục đích xuất bản cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư



Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Nguyễn Xuân Thắng phát biểu tại lễ ra mắt cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng _ Ảnh: baodantoc.vn

Nguyễn Phú Trọng nhằm phục vụ công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết lý luận về đường lối đổi mới và những bài học kinh nghiệm, những vấn đề có tính quy luật từ thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ta trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa ở Việt Nam,

tạo nên sự thống nhất tư tưởng trong toàn xã hội, “trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt”, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện những mục tiêu chiến lược mà Đại hội XIII của Đảng đã đề ra.

Theo tinh thần ấy, cuốn sách tuyển chọn 29 bài viết, bài phát biểu tiêu biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong thời gian từ khi chuẩn bị xây dựng văn kiện Đại hội XIII của Đảng đến nay. Đây là những tác phẩm đã đúc kết những thành tựu phát triển

lý luận và những kết quả tổng kết thực tiễn mới nhất của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tác phẩm; “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*” (báo Nhân dân, ngày 15-5-2021) có ý nghĩa như cơ sở dẫn dắt việc tuyển chọn và sắp xếp các bài viết, bài nói trong cuốn sách, với bốn nội dung cơ bản mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đặt ra trong bài viết đó: 1) Chủ nghĩa xã hội là gì? 2) Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? 3) Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? 4) Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì? Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, các bài viết, bài nói của đồng chí Tổng Bí thư

trong cuốn sách này đều là nội dung chỉ đạo, hướng đến đối tượng tiếp nhận là cán bộ, đảng viên, nhằm làm rõ những cơ sở khoa học, thực tiễn, định hướng nhận thức và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Trong mỗi tác phẩm có thể có những nội dung thể hiện các vấn đề lý luận chung, đồng thời cũng có những nội dung phân tích tình hình thực tế, tổng kết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra của đất nước, của các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Vì thế, việc sắp xếp thứ tự các tác phẩm trong sách chủ yếu căn cứ vào vấn đề chính, trung tâm mà các tác phẩm đó đề cập.

Về chủ nghĩa xã hội, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khái quát những thành tựu quan trọng, cơ bản của Đảng ta trong việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin phù hợp với điều kiện lịch sử, cụ thể của nước ta.

Cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhằm phục vụ công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết lý luận về đường lối đổi mới và những bài học kinh nghiệm, những vấn đề có tính quy luật từ thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ta trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Từ một lý thuyết khoa học của C. Mác và Ph. Ăng ghen, sau Cách mạng Tháng Mười Nga, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã ra đời, trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển của lịch sử nhân loại theo con đường tiến bộ, nhân văn, vì công bằng, hạnh phúc cho con người. Do những giá trị vô cùng tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và các nhà cách mạng tiền bối nước ta đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội cho Việt Nam, tổ chức và rèn luyện Đảng Cộng sản để lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn vàn gian khổ hy sinh, từng bước hiện thực hóa những giá trị đó thành thực tế sinh động trên đất nước ta. Những giá trị ấy không chỉ được tổng kết về lý luận, mà đã được kiểm chứng bằng chính thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước của chúng ta. Đó là: i) “một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người”; ii) “sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội”; iii) “một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn”; iv) “sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong

lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai”; v) “một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về nhân dân, do nhân dân và phục vụ lợi ích của nhân dân”¹. Chính những giá trị đích thực ấy của chủ nghĩa xã hội đã trở thành mục tiêu, định hướng con đường cách mạng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, tin tưởng và đang kiên định thực hiện.

Trên con đường từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước, Đảng ta đã tổng kết, rút ra những nhận thức tổng quát về chủ nghĩa xã hội với 8 đặc trưng cơ bản: “*một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển; có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do*

*Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*². Các đặc trưng ấy là nội dung của *mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam*, một thành tựu phát triển sáng tạo lý luận riêng có của Đảng ta. Để hiện thực hóa mô hình đó, đòi hỏi cả một sự nghiệp lâu dài, gian khổ, phải đầu tư sức người, sức của to lớn, phải sáng tạo không mệt mỏi, đặc biệt là phải suy nghĩ, tìm tòi lộ trình và bước đi hợp lý, cách làm đúng đắn để giải quyết các nhiệm vụ đặt ra. *Xây dựng nền kinh tế thị trường định*

hướng xã hội chủ nghĩa là kết quả tìm tòi về lý luận, tổng kết thực tiễn của Đảng ta, là mô hình phát triển đặc thù của Việt Nam, phù hợp với điều kiện của giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm của đất nước. Về nội dung này, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “Mô hình kinh tế mà chúng ta xây dựng là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây chính là một đột phá lý luận rất cơ bản

và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới. Theo đó,

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”³.

Trên cơ sở phân tích, lý giải về kinh tế thị trường nói chung, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng làm rõ nhận thức của Đảng ta về *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, chỉ ra và khẳng định thuộc tính quan trọng, đặc trưng cơ bản làm nên sự khác biệt của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam với những nền kinh tế thị trường khác. Đó là nền kinh



Cuốn sách tại gian trưng bày của Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

tế “gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội”. Nói cách khác, đó là sự quan tâm đặc biệt đến chính sách xã hội, chính sách đối với con người, phát triển hài hòa giữa kinh tế với xã hội, không vì tăng trưởng kinh tế mà coi nhẹ tiến bộ, công bằng xã hội, phải tạo điều kiện cho con người được thụ hưởng mọi thành tựu của phát triển, cuộc sống của con người được cải thiện đồng thời với tiến trình xây

dựng, phát triển kinh tế.

Bàn về văn hóa trong mối quan hệ với kinh tế nói riêng và với các lĩnh vực đời sống xã hội nói chung, đồng chí Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: “Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”⁴. Như

văn hóa không chỉ được khẳng định là một trong bốn trụ cột chính sách quyết định của Đảng về xây dựng, phát triển đất nước, mà văn hóa còn là sự bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế, thể hiện tính nhân văn, ưu việt của chế độ với mục đích hướng tới con người, vì hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người.

Từ những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội, tại diễn đàn Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đồng chí Nguyễn Phú Trọng khẳng định một lần nữa quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn dân: “Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí

và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”⁵. Đây chính là những tư tưởng, định hướng chỉ đạo xuyên suốt về các nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước trong giai đoạn tới, trước mắt là tư tưởng chỉ đạo đối với các nhiệm vụ và giải pháp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại

hội XIII của Đảng. Để thực hiện thành công định hướng chung đó, 4 nhiệm vụ như 4 trụ cột chính sách của Đảng là: Phát triển kinh tế là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa là nền tảng tinh thần, động lực phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ trọng yếu và thường xuyên.

“Chúng ta coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”.

Nội dung về phát triển kinh tế - xã hội được thể hiện trong nhiều bài nói, bài viết khác nhau trong cuốn sách. Khi phát biểu trước Chính phủ nhiệm kỳ mới, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đề cập toàn diện, khái quát về những nội dung, nhiệm vụ kinh tế - xã hội chung nhất. Đó là phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, thực hiện chế độ phân phối công bằng và tạo động lực cho phát triển. Đó là phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện vai trò bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa của tăng trưởng kinh tế. Đó là con người là trung tâm của chiến lược phát triển; phát triển văn hóa, xây dựng con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới⁶. Tinh thần

chung ấy được cụ thể hóa một bước trong những nội dung, yêu cầu xây dựng, phát triển các giai cấp, tầng lớp người trong xã hội. Đó là, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh -

VỀ VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, XUẤT PHÁT TỪ LUẬN ĐIỂM NỔI TIẾNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH “VĂN HÓA PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI”, ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG ĐÃ PHÂN TÍCH, CHỈ RA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ VĂN HÓA VÀ CON NGƯỜI, TRONG ĐÓ, VĂN HÓA ĐƯỢC COI LÀ MỘT TRONG 4 TRỤ CỘT CHÍNH SÁCH, LÀ NỀN TẢNG TINH THẦN, ĐỒNG THỜI CŨNG LÀ NGUỒN LỰC NỘI SINH, ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.

“một điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Đó là, “Xây dựng giai cấp nông nhân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, thực sự là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới”. Đó là, việc chăm lo cho thanh niên là trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị và toàn dân vì “thanh niên là một bộ phận quan trọng của dân tộc, rường cột của quốc gia. Thanh niên có mạnh thì dân tộc mới mạnh; trong sức mạnh của dân tộc có sức mạnh

của thanh niên”⁷.

Nội dung vấn đề kinh tế - xã hội cũng gắn với trách nhiệm của từng

ngành, lĩnh vực trong việc trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Ví dụ, trong bài phát biểu tại Hội nghị Đối ngoại toàn quốc ngày 14-12-2021, đồng chí Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh yêu cầu, nhiệm vụ của ngoại giao trong phát triển kinh tế đất nước. Đó là “Ưu tiên tìm kiếm và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ và lao động Việt Nam, thu hút nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, nhất là FDI hướng vào các lĩnh vực ưu tiên của đất nước”⁸. Song cho dù là các luận điểm lý luận có tính khái quát hay các nội dung nhiệm vụ cụ thể của từng lĩnh vực, ngành nghề, thì tất cả đều bị chi phối bởi nguyên tắc: “Mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân, lấy hạnh phúc, ấm no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu”⁹.

Về vấn đề phát triển văn hóa, con người, xuất phát từ luận điểm nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi”, đồng chí Nguyễn Phú Trọng đã phân tích, chỉ ra quá trình phát triển, hoàn thiện

nhận thức của Đảng ta về văn hóa và con người, trong đó, văn hóa được coi là một trong 4 trụ cột chính sách, là nền tảng tinh thần, đồng thời cũng là nguồn lực nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, đồng chí đi đến nhận định: “Đảng ta khẳng định: trọng tâm xây dựng và phát triển văn hóa là xây dựng con người có nhân cách và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh”¹⁰. Đây là một vấn đề có tính quy luật, có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bởi xét cho cùng, mọi sự phát triển đều do con người và vì con người. Mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội là mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và công bằng cho mọi thành viên xã hội không phân biệt đẳng cấp, địa vị xã hội. Việc nhận thức rõ và đầy đủ về vai trò, tính chất và mục đích của phát triển văn hóa là điều kiện để Đảng đưa ra những chủ trương, nhiệm vụ hợp lý, có hiệu quả về phát triển văn hóa, xây dựng con người đối với các khu vực, các tầng lớp, các lứa tuổi dân cư.

Đề cập lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại trong điều kiện mới của đất nước và bối cảnh chung của thế giới, đồng chí Nguyễn Phú Trọng nhấn

mạnh quan điểm chỉ đạo của Đảng ta đã được thể hiện nhất quán trong các văn kiện của Đại hội XIII của Đảng là: “Kiên quyết, kiên trì bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn để phát triển đất nước. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường. Xử lý đúng đắn, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng... Khai thác, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”¹¹. Từ quan điểm chỉ đạo chung này, các nội dung về đường lối, định hướng, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại cụ thể đã được đồng chí Tổng Bí thư phân tích rất sâu sắc. Trong bài phát biểu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI, đồng chí Nguyễn Phú Trọng yêu cầu Đảng bộ Quân đội cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc về tính chất, vai trò của Quân đội ta là “Quân đội nhân dân, Quân đội của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, được đặt dưới sự lãnh đạo” tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt” của Đảng, để

thực hiện được 6 nhiệm vụ về: quán triệt nhận thức tính chất, trách nhiệm của Quân đội; xây dựng quân đội trong sạch, vững mạnh, gương mẫu, tiêu biểu; tăng cường mối quan hệ máu thịt của Quân đội với nhân dân; sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; phối hợp các bộ, ngành, địa phương để tăng cường tiềm lực quốc phòng và thế trận toàn dân; và thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng “Quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại”. Do vậy, “Quân đội phải tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc, gắn bó máu thịt với nhân dân”. Về vấn đề an ninh, đồng chí Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh yêu cầu tập trung quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp để xây dựng “lực lượng công an thật sự trong sạch, vững mạnh, gần dân, sâu sát cơ sở”; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, các bộ, ngành, địa phương và Quân đội nhân dân để “giữ vững an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống, tuyệt đối không chủ quan, lơ là; không để bị động, bất ngờ”¹².

Về lĩnh vực đối ngoại, từ việc tổng kết thực tiễn công tác đối ngoại, ngoại giao của Đảng, Nhà nước ta, đồng chí

Nguyễn Phú Trọng đã khái quát về “trường phái ngoại giao “Cây tre Việt Nam” - mang đậm bản sắc dân tộc, “dĩ bất biến ứng vạn biến”, “giữ trái tim nóng, cái đầu lạnh”, “kiên quyết, kiên trì để xử lý các thách thức đối ngoại một cách mềm mại mà hiệu quả, tranh thủ các điểm

đồng về lợi ích để thúc đẩy hợp tác và phát triển, bảo vệ tối đa lợi ích của dân tộc. Việc xây dựng, phát triển và phát huy vai trò của Trường phái ngoại giao “Cây tre Việt Nam” là điều kiện, cơ sở để hoạt động đối ngoại, ngoại giao Việt Nam hoàn thành được nhiệm vụ

cơ bản đặt ra là: “Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”¹³.

Nội dung các vấn đề về *xây dựng Đảng và hệ thống chính trị* giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong cuốn sách của đồng chí Nguyễn Phú Trọng với gần

một nửa số bài viết. Vị trí quan trọng của nội dung này trong cuốn sách phản ánh vai trò, vị trí có ý nghĩa quyết định của vấn đề xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đối với sự nghiệp cách mạng nói chung và công cuộc đổi mới nói riêng, cả về phương diện lý luận và trên thực tế. Nội dung các vấn đề về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị bao quát một cách toàn diện, từ cơ sở lý luận chung đến những vấn đề cụ thể hóa về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp về công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ, kiểm tra, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng Mặt

trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức nhân dân. Xuất phát từ quan điểm chỉ đạo “Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta”, đồng chí nhấn mạnh: “công tác xây dựng Đảng luôn luôn là nhiệm vụ then chốt của Đảng, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta”. Vì thế “phải tiến hành xây

Về lĩnh vực đối ngoại, “Tiếp tục phát huy vai trò tiên phong trong việc tạo lập và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”.

dựng, chinh đốn Đảng với tinh thần tích cực và kiên quyết, mạnh mẽ, nhằm tạo ra một bước chuyển biến rõ rệt hơn nữa trên các mặt”. Mục đích hướng tới của công tác xây dựng, chinh đốn Đảng là xây dựng “Một đảng cách mạng chân chính có đường lối đúng, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, gương mẫu, tận tụy, gắn bó máu thịt với nhân dân, được nhân dân ủng hộ”, một đảng “có sức mạnh vô địch, không thể lực nào ngăn cản nổi trên con đường dẫn dắt dân tộc đi lên”¹⁴.

Để đạt được mục đích ấy, “phải hết sức coi trọng xây dựng Đảng về tư tưởng. Kiên định vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời không ngừng bổ sung phát triển sáng tạo, phù hợp với thực tiễn Việt Nam”. Trong đó, “Lý luận phải vươn lên dẫn đường và đồng hành với thực tiễn”, “phải có tầm nhìn vượt trước”, phải tạo

được những bước đột phá về lý luận phát triển, khai thông những điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, quan điểm phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng đường lối, chủ trương...”¹⁵. Cần phải tiếp tục đổi mới

Công tác xây dựng Đảng luôn luôn là nhiệm vụ then chốt của Đảng, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với sự nghiệp cách mạng nước ta”. Vì thế “phải tiến hành xây dựng, chinh đốn Đảng với tinh thần tích cực và kiên quyết, mạnh mẽ, nhằm tạo ra một bước chuyển biến rõ rệt hơn nữa trên các mặt”.

hoàn thiện tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; tăng cường xây dựng, giáo dục, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, nhất là “đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, là tinh hoa của Đảng, đòi hỏi phải thật sự vững vàng, có đủ bản lĩnh, phẩm chất, trí tuệ và uy tín cao để giải quyết những công việc ở tầm chiến lược”¹⁶. Đối với công tác *kiểm tra,*

giám sát của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh, đó là “một bộ phận quan trọng của công tác xây dựng Đảng”, “là một chức năng lãnh đạo của Đảng”, “mọi tổ chức đảng và đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật đảng và đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng”; kiểm tra,

giám sát là “thanh bảo kiểm để chữa lành các vết thương”¹⁷.

Đối với Quốc hội, đồng chí Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng với tính chất là “cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của đất nước trong giai đoạn mới, Quốc hội cần “tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động”, thực hiện tốt các chức năng: xây dựng pháp luật, *tạo lập khuôn khổ pháp lý* cho các hoạt động của đất nước, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; đại biểu cho quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước nước “theo hướng ngày càng chính xác, thực chất hơn”; “*đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát*”; “*Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế*”¹⁸.

Về công tác tổ chức và hoạt động của Chính phủ, đồng chí Nguyễn Phú Trọng chỉ rõ vai trò, trách nhiệm của Chính phủ là: “*cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành*

pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là *cơ quan trực tiếp tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện có hiệu quả mọi chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, biến đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực sinh động, mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, làm vẻ vang cho dân tộc, cho giống nòi*”¹⁹. Để hoàn thành trách nhiệm đó, Chính phủ cần phải “tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tổ chức và phương thức hoạt động”, đặc biệt quan tâm đến công tác “*xây dựng tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ*”; “đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả phân cấp, phân quyền, phân công, phối hợp”; “*xiết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính*”; kiên quyết, kiên trì “*đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực*”; “*đóng góp to lớn hơn nữa vào công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội*”.

Trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các đoàn thể nhân dân giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện và phát huy quyền làm chủ

của Nhân dân. Đây cũng là vấn đề được đồng chí Nguyễn Phú Trọng đề cập trong nhiều bài viết, bài nói, trong đó tập trung nhất và mới nhất là bài phát biểu tại Hội nghị toàn quốc triển khai Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Đồng chí nhắc lại và nhấn mạnh các quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”. Cũng từ quan điểm này, đồng chí Tổng Bí thư đã từng khái quát nên một luận điểm rất quan trọng trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, được cán bộ, đảng viên và nhân dân ủng hộ, hoan nghênh: “ta làm hợp lòng dân thì dân tin và chế độ ta còn, Đảng ta còn. Ngược lại, nếu làm cái gì

trái lòng dân, để mất niềm tin là mất tất cả”. Nhằm củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí, quyết tâm và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại, đồng chí Nguyễn Phú Trọng yêu cầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên cần “năng động, sáng tạo, đổi mới mạnh mẽ hơn nữa; thiết thực, hiệu quả cao hơn nữa, góp phần tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân trong khối đại đoàn kết dân tộc; tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa nhân dân với Đảng và chính quyền, tạo thành sức mạnh to lớn, vô địch để xây dựng Tổ quốc ta ngày càng cường thịnh, nhân dân ta ngày càng hạnh phúc; đất nước ta ngày càng phát triển, phồn vinh”²⁰.

cuốn sách Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là một công trình có tầm khái quát lý luận cao, tổng kết thực tiễn sâu sắc về những phát triển sáng tạo riêng có của Đảng ta về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

*

Tóm lại, cuốn sách *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là một công trình có tầm khái quát lý luận cao, tổng kết thực tiễn sâu sắc về những phát triển sáng tạo riêng có của Đảng ta về *mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam*, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên nền tảng tư duy lý luận sâu sắc, cuốn sách đã trình bày, phân tích, lý giải các vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam và nội dung, giải pháp để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam một cách khúc triết, rành

mạch, rõ ràng, dung dị và dễ hiểu. Cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng sẽ là cơ sở quan trọng cho việc tiếp tục tổng kết lý luận về đường lối đổi mới của Đảng ta, là tài liệu quý để giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, tạo nên sự đồng thuận xã hội để khơi dậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã vạch ra ■

1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 Xem: Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật - Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.21-22, 24, 91, 27, 68-69, 91-93, 196, 240, 165, 49, 458, 192, 226, 227, 339, 152, 79-80, 98, 118.

⁷ Xem các bài: “Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cùng tổ chức công đoàn lớn mạnh”, tr.284-294; “Xây dựng giai cấp nông nhân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, thực sự là chủ thể của quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới”, tr. 295-305; “Chăm lo cho thanh niên là trách nhiệm của Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội”, tr. 306-314...



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, VAI TRÒ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ PHÁT HUY DÂN CHỦ Ở NÔNG THÔN

● PGS, TS ĐOÀN MINH HUẤN

Ủy viên Trung ương Đảng,

Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản,

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương.

Sự lãnh đạo của Đảng và vai trò hệ thống chính trị có vai trò quyết định bảo đảm thành công cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát huy dân chủ, nâng cao đời sống người dân nông thôn. Vì vậy, phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải gắn liền với đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả thực hành dân chủ ở nông thôn.

1. Nông thôn Việt Nam thập niên qua biến đổi mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử dân tộc, đã và đang đặt ra nhiều

vấn đề rất mới đối với sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động của hệ thống chính trị và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Việt Nam là quốc gia hình thành và phát triển dựa trên nền kinh tế tiểu nông khá ổn định qua hàng ngàn năm, kinh tế hàng hóa ở nông thôn phát triển chậm chạp, yếu ớt. Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc như thập niên vừa qua, nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam lại biến đổi với tốc độ nhanh chóng, cường độ mạnh mẽ, nhịp độ gấp gáp như thế, trước lực đẩy của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Biến đổi trước hết là chuyển từ một

nền kinh tế tiểu nông, sản xuất manh mún, dựa trên các thửa ruộng chia nhỏ cho từng hộ gia đình kết hợp với các mảnh “vườn tạp” sản xuất theo lối tự cấp, tự túc, sang sản xuất nông nghiệp hàng hóa; từ nền kinh tế hàng hóa giản đơn chỉ trao đổi sản phẩm dư thừa của nền sản xuất tiểu nông (qua các phiên chợ làng) sang nền kinh tế hàng hóa phát triển với mục tiêu sản xuất để bán ra thị trường; từ mỗi làng/bản như một ốc đảo biệt lập sang liên kết, gắn kết, hội nhập và phát triển. Có thể nói, công cuộc đổi mới đã xác lập những bước đi quan trọng cho phát triển kinh tế nông nghiệp, xã hội nông thôn, đời sống nông dân, mà thập niên qua đã tạo được sự bứt phá với tốc độ nhanh hơn do tác động của kinh tế thị trường, của các chương trình xây dựng nông thôn mới, của áp lực hội nhập quốc tế.

Đó là chuyển sang nền kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn thích ứng dần với cơ chế thị trường. Đã hình

thành khá phổ biến tư duy sản xuất để bán ra thị trường, sản xuất theo quy mô lớn, thậm chí nhiều nơi còn *đổi mới tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản* tiếp cận với thị trường thế giới; vườn tạp dần thu hẹp, chợ đầu mối phát triển phục vụ cho chuyển hàng hóa khoảng cách xa; doanh nghiệp trở thành nhân tố trung tâm tạo động lực phát triển khi gắn kết chặt chẽ hơn với hợp tác xã, hộ gia đình. Các tài nguyên và giá trị bản địa đã được chú trọng, phát huy, gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Nhờ đó tạo nên giá trị kinh tế cao hơn, mang lại đời sống khá giả hơn, cải thiện rõ rệt đời sống người dân nông thôn hầu hết các địa phương. Không còn là nền kinh tế thuần nông mà nhiều nơi phát triển *kinh tế nông thôn* với cơ cấu nông nghiệp - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ gắn kết chặt chẽ với đô thị hóa nông thôn. Kết cấu hạ tầng nông thôn thay đổi lớn sau 10 năm thực hiện Chương trình xây

Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc như thập niên vừa qua, nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam lại biến đổi với tốc độ nhanh chóng, cường độ mạnh mẽ, nhịp độ gấp gáp như thế, trước lực đẩy của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

dựng nông thôn mới, nhất là đường sá, điện thắp sáng, viễn thông, truyền hình, phát thanh, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi...

Đời sống cư dân nông thôn đã được nâng lên rõ rệt, từ ăn, mặc, ở, đi lại, nghe nhìn đến tiếp cận các dịch vụ công cộng cơ bản như giáo dục, y tế, văn hóa. Cơ cấu chất lượng bữa ăn gia đình nông thôn được cải thiện rõ rệt để đáp ứng cả nhu cầu dinh dưỡng, phát triển thể chất, bảo đảm sức khỏe. Nhà cửa và các phương tiện thụ hưởng văn hóa, đi lại như radio, tivi, xe máy... khá phổ biến ở hầu hết các gia đình khá giả, thoát cảnh khòí đói nghèo; một tỷ lệ lớn điểm dân cư trung tâm xã được kết nối internet. Không gian công nông thôn không chỉ còn đường gạch, đình làng, bến nước, cây đa truyền thống, mà bổ sung thêm các đường bê tông có điện thắp sáng, nhà văn hóa, kết nối internet, các thiết chế văn hóa mang yếu tố hiện đại. Thành tựu giáo dục, đào tạo nhân lực có nhiều chuyển biến, giúp người nông dân có điều kiện nâng cao dân trí, rèn luyện tay nghề lao động, kịp thời thích ứng với chuyển dịch cơ cấu ngành nghề. Bảo hiểm y tế hướng đến bao phủ cư dân nông thôn mà ở đó người nghèo,

đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ tài chính từ phía Nhà nước, bảo đảm quyền tiếp cận các dịch vụ khám, chữa bệnh. Số hộ giàu, khá giả dựa vào phát triển kinh tế nông nghiệp ngày càng tăng lên, xuất hiện nhiều mô hình ứng dụng công nghệ cao, sản xuất trang trại, liên kết hợp tác, mang lại hiệu quả kinh tế, trở thành nhân tố tích cực gắn với sự hình thành những *nhà nông thế hệ mới*, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, thúc đẩy đổi mới tổ chức sản xuất, dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn.

Tuy vậy, biến đổi của kinh tế và xã hội nông thôn chứa đựng cả mặt *tích cực* và *tiêu cực*, *chức năng* và *phản chức năng*. So với mặt bằng chung của cả nước, trình độ phát triển kinh tế khu vực nông thôn vẫn thấp hơn, nhất là miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng hải đảo. Sản xuất nông nghiệp vẫn bấp bênh; tình trạng sản xuất nhỏ, manh mún còn phổ biến ở nhiều nơi, chưa dễ gì chuyển sang sản xuất hàng hóa lớn; đời sống một bộ phận nông dân vẫn khó khăn, nhất là khi gặp bất lợi của thị trường, thời tiết. Biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường diễn biến phức tạp; có mặt do tính cực đoan của tự nhiên, có mặt

do con người gây nên, mà nông nghiệp, nông thôn vẫn là nơi hứng chịu hậu quả nặng nề, nhất là khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Như một tất yếu, công nghiệp hóa, đô thị hóa đang “hút” một lực lượng lớn khỏi nông nghiệp, nông thôn mà hệ quả để lại cho nông thôn một cơ cấu dân cư già hóa, nữ hóa, thiếu lao động tay nghề. Đất sản xuất nông nghiệp nhiều khu vực đã và đang được chuyển đổi mục đích sử dụng để mở nhà máy, khu công nghiệp, khu đô thị mà bản thân người nông dân lại ít được hưởng lợi từ quá trình dịch chuyển đất đai. Văn hóa làng/bản, gia đình, lối sống nông thôn đang thay đổi nhanh chóng, nhiều mặt đe dọa đến bản sắc văn hóa truyền thống. Nhiều tiêu cực, tệ nạn xã hội, xung đột xã hội khu vực nông thôn đáng lo ngại nhất là “tín dụng đen”, tranh chấp đất đai, khiếu kiện, “hiện tượng cận tôn giáo”, mê tín dị đoan.

Cả hai mảng sáng và tối của bức tranh xã hội nông thôn đặt ra những yêu cầu cao hơn và thách thức lớn hơn đối với sự lãnh đạo của Đảng, vai trò hệ thống chính trị và nâng cao hiệu quả thực hành dân chủ. *Mảng sáng* đòi hỏi công tác lãnh đạo, quản lý phải

nâng tầm với nhịp độ khẩn trương hơn, tư duy “động” hơn bảo đảm cho địa bàn nông thôn không lỡ nhịp với xu thế phát triển. *Mảng tối* đòi hỏi phải có những tư duy đột phá tháo gỡ nút thắt, điểm nghẽn để tận dụng cơ hội, đẩy lùi khó khăn, thách thức, mà ở đó chứa đựng cả *bản lĩnh* và *trách nhiệm*, *tình cảm* với người nông dân – vốn là giai tầng đóng góp nguồn lực (nhân lực, vật lực, đất đai...) nhiều nhất cho cách mạng giải phóng dân tộc, cho quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng lại chịu nhiều thua thiệt trong phát triển.

2. *Sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của hệ thống chính trị trước hết thể hiện ở tư duy lãnh đạo trước các vấn đề “tam nông” khi mà phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn truyền thống không còn phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.* Trước những yêu cầu rất mới về “tam nông”, nếu tổ chức Đảng và hệ thống chính trị các địa phương thiếu tầm nhìn, tư duy đột phá sẽ khó đáp ứng được yêu cầu, nhất là những vấn đề quản lý và phát triển gắn với nền kinh tế thị trường hiện đại, với hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, với

thích ứng với biến đổi khí hậu, với bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế nông thôn, thúc đẩy đô thị hóa; quản trị xã hội dựa trên luật pháp kết hợp với luật tục, phát triển kinh tế với bảo vệ bản sắc văn hóa làng/ xã.

Phát triển “tam nông” trước hết đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có tư

duy kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ, hội nhập quốc tế, đặt phát triển kinh tế nông nghiệp trong tổng thể phát triển kinh tế nông thôn, đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy đô thị hóa. Trên cơ sở tư duy lãnh đạo đó mới khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của địa phương trong kinh tế thị trường; xây dựng thể chế quản trị địa phương phù hợp; huy



động các nguồn lực và động lực cho phát triển kinh tế. Đặc biệt là phải tư duy chuyển đổi mạnh mẽ từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún sang nông nghiệp sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ; hình thành nên các mô hình tổ chức sản xuất lấy nông dân làm chủ thể, doanh nghiệp làm động

lực quan trọng cho kết nối giữa người sản xuất và thị trường trong các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác mà ở đó doanh nghiệp chịu trách nhiệm các khâu đầu vào, đầu ra, chế biến sản phẩm gắn với định hình tiêu chuẩn kỹ thuật ngặt nghèo; người nông dân hoặc hợp tác xã sản xuất theo hợp đồng ổn định với doanh nghiệp, khắc phục tình



trạng “được mùa rớt giá”. Phải đặt kinh tế nông thôn với tính gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp với dịch vụ, công nghiệp vừa và nhỏ, tiểu thủ công nghiệp để làm thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn trong xây dựng nông thôn mới. Cần định hình phương châm “hành động địa phương, tầm nhìn toàn cầu” gắn với quá trình hội nhập quốc tế, bảo đảm cho sản xuất từng mặt hàng, từng sản phẩm không tách khỏi nhu cầu của thị trường thế giới, nhất là những nhu cầu tinh tế của các “thị trường khó tính” bảo đảm sản phẩm an toàn, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật. Các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới (FTA) mở ra cơ hội cho sản xuất nông nghiệp tìm kiếm được các thị trường mang lại giá trị gia tăng cao, nhưng thách thức cũng gay gắt hơn khi ngày nay sản xuất lương thực theo các cam kết này không chỉ đáp ứng nhu cầu thực phẩm thuần túy, mà còn phải góp phần vào xây dựng thế giới văn minh, tốt đẹp khi tham dự tích cực vào bảo đảm an toàn sức khỏe, làm đẹp cho con người, bảo vệ môi trường sinh thái.

Đổi mới tư duy lãnh đạo, quản lý phù hợp cơ chế thị trường phải gắn với

định hình *tình cảm, trách nhiệm với nông dân*, với lĩnh vực nông nghiệp. Có một thực tế là, đầu tư vào nông nghiệp đem lại “dân giàu”, nhưng nguồn thu cho địa phương không như đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ; đầu tư vào nông nghiệp phải đòi hỏi tính căn cơ, không chỉ tính đến bài toán nâng cao thu nhập mà cả những vấn đề dịch chuyển cơ cấu lao động, bảo vệ môi trường sống, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc... Phát triển công nghiệp, dịch vụ cần đến một chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn với quy hoạch mặt bằng đất đai gắn với chính sách thuế ưu đãi, cải cách thủ tục hành chính thuận tiện, còn *phát triển nông nghiệp dày công hơn rất nhiều, khó khăn bội phần*. Ở đây cần đến nhiều lời giải cùng lúc của bài toán “tam nông”: bảo đảm cho sản xuất, thị trường ổn định; dịch chuyển cơ cấu lao động; nâng cao thu nhập gắn với thụ hưởng văn hóa của nông dân; bảo vệ và góp phần tái tạo môi trường sinh thái; bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc gắn với nền sản xuất nông nghiệp, với cây con, với nghề nông, với các thiết chế văn hóa của văn minh nông nghiệp... đó là cả một *sự nghiệp giáo dục lại người nông*

dân đầy khó khăn, gian khổ. Phát triển “Nông nghiệp sinh thái, Nông thôn hiện đại, Nông dân văn minh” cần đến rất nhiều nguồn lực đầu tư công với diện tích trải rộng khắp mọi vùng miền đất nước, nơi càng khó khăn, càng đặt ra những yêu cầu cao về bảo đảm an ninh, quốc phòng, bình đẳng giữa các dân tộc, càng cần suất đầu tư lớn mà không thể tính thuần túy hiệu quả kinh tế. Nếu người lãnh đạo thiếu tình thương yêu, thiếu thấu hiểu và thấu cảm giai cấp nông dân đã từng đóng góp nhiều nhất cho kháng chiến, đã hy sinh rất nhiều cho công nghiệp hóa thì khó có thể hình thành được tư duy đổi mới, phát triển “tam nông”. Bởi nguồn lực cho công nghiệp hóa, đô thị hóa hầu như “hút” từ nông thôn (nhân lực, vật lực, tài lực, đất đai,...), rồi cả gây ô nhiễm môi trường thì “đẩy” cho nông thôn gánh chịu (nơi xả nước thải, bãi thải rác công nghiệp, rác thải sinh hoạt cho đô thị, nghĩa trang...). Phải loại trừ những quan niệm phát triển thiếu lương tâm khi đánh đổi lợi ích của nông dân, nông thôn cho công nghiệp hóa, đô thị hóa mà đằng sau đó luôn có bóng dáng các “nhóm lợi ích”. Vì thế, phát triển “tam nông” cần đến cả

tư duy và đạo lý phát triển, cần cả trí tuệ và lương tâm, trách nhiệm từ phía người lãnh đạo - những người luôn phải tận tâm, tận lực phục vụ nhân dân, có lòng yêu thương nông dân.

Cũng chính trên nền tảng văn hóa đó mới giúp người lãnh đạo thống nhất giữa khai thác các tiềm năng thế mạnh nông thôn với bồi dưỡng sức dân, chăm lo an sinh xã hội nông thôn; lấy tư duy doanh nghiệp làm động lực cho đổi mới kinh tế nông thôn với chăm lo xây dựng các thiết chế kinh tế mang tính xã hội sâu sắc có vai trò bảo vệ nông dân, bảo đảm phát triển hài hòa kinh tế nông thôn trước thách thức của thị trường, nhất là hội nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp xã hội; phát triển kinh tế với bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa làng/bản, bảo vệ môi trường sinh thái. Công nghiệp hóa dễ dẫn tới tư duy khai thác, huy động mọi nguồn lực nông thôn, nông dân cho phục vụ xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, đô thị mà quên mất mặt bồi dưỡng, chăm lo phát triển, tái tạo nguồn lực từ nông dân, nông thôn. Vì vậy, gắn với mỗi chính sách thúc đẩy công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển kinh tế nông

thôn phải luôn chú trọng đào tạo nghề, chuyển đổi sinh kế, làm cho nông dân thật sự là chủ thể phát triển nông thôn, được hưởng lợi từ chính quá trình dịch chuyển đất đai, không bị gạt ra ngoài lề tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Phát triển nông nghiệp, nông thôn phải coi trọng xây dựng, củng cố hợp tác xã kiểu mới, tổ hợp tác để liên kết nông dân tạo nên sức mạnh trong đàm phán, ký kết hợp đồng và chủ động tham dự cùng doanh nghiệp vận hành các mô hình tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, hạn chế thua thiệt trước cơ chế thị trường. Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là vấn đề lớn của xây dựng nông thôn mới, mà ở đó phải gắn kết chặt chẽ giữa giữ gìn các thiết chế văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp với loại trừ các hủ tục lạc hậu đang cản trở tiến bộ, văn minh. Từ lãnh đạo đến người dân phải ý thức một cách sâu sắc trách nhiệm bảo vệ môi trường sinh thái, vì một nền nông nghiệp xanh, bền vững, vì chất lượng sống của người dân nông thôn, tạo nên các vành đai xanh cho các đô thị đang đứng trước nhiều áp lực “bê tông hóa” và hiệu ứng nhà kính.

3. Tăng cường vai trò lãnh đạo của

Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước, phát huy trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội là những nhân tố quyết định nhất bảo đảm xây dựng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Bên cạnh tính phổ biến, cần chú ý tính đặc thù của từng nơi, từng cấp lãnh đạo, quản lý do chi phối của tính địa phương, tính tộc người; cần kết hợp chặt chẽ giữa luật pháp và luật tục, giữa tri thức khoa học và tri thức địa phương trong lãnh đạo, quản trị địa phương; phân cấp phân quyền thoáng rộng đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, chống cục bộ, phân tán, tùy tiện kiểu “phép vua thua lệ làng”; phát huy vai trò nêu gương của người đứng đầu, coi trọng vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

Đội ngũ cán bộ đóng vai trò then chốt trong xây dựng Đảng, chất lượng quyết định lãnh đạo, quản lý và hiệu quả tổ chức thực hiện các quyết định đó trong thực tiễn. Với địa bàn nông thôn vai trò cán bộ càng quan trọng, mà sức mạnh của nó được cấu thành bởi trình độ, phẩm chất từng cá nhân, sức mạnh tập thể với cơ cấu hợp lý cả về độ tuổi, giới, nghề nghiệp, dân tộc,

trong đó có cấu trúc tuổi, cơ cấu dân tộc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ nông thôn là vấn đề cấp bách hiện nay, bao gồm cả đào tạo qua trường lớp và đào tạo thực hành trên hiện trường. Lựa chọn, mở các khóa đặc biệt đào tạo nên một *đội ngũ tinh hoa các dân tộc thiểu số có uy tín, ảnh hưởng lớn*. Cơ cấu cán bộ phải bảo đảm hài hòa, hợp lý giữa các địa phương, các tộc người, nhờ đó củng cố khối đoàn kết nhất trí, phát huy được vai trò, thế mạnh của từng loại cán bộ. Đối với cán bộ dân tộc thiểu số, khi xây dựng các tiêu chí đều phải tính đến đặc thù như cử đi đào tạo sớm hơn, thời gian ưu tiên đào tạo có thể dài hơn, những vị trí cần cơ cấu cán bộ dân tộc thiểu số nếu chưa có người đủ tiêu chuẩn thì tạm thời bỏ trống. Tăng cường *cạnh tranh* khi lựa chọn bổ nhiệm cán bộ, nhưng phải tạo *không gian cạnh tranh riêng giữa các cán bộ dân tộc thiểu số*. Đẩy mạnh *luân chuyển theo trục dọc*, tức đưa cán bộ địa phương lên Trung ương làm việc một thời gian để nắm chính sách vĩ mô rồi luân chuyển trở lại địa phương làm việc. Đối với cán bộ dân tộc thiểu số,

khi thực hiện chủ trương không bố trí người địa phương làm bí thư cấp ủy tại địa phương thì phải *luân chuyển đến các địa phương khác trong vùng có đặc điểm tương đồng* về thành phần tộc người, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán. Coi trọng phát triển đảng viên khu vực nông thôn, khắc phục tình trạng giảm sút đảng viên do xuất cư làm ăn tại các khu công nghiệp, đô thị. Có chính sách tạo nguồn, đào tạo, sử dụng đảng viên hết thời gian nghĩa vụ quân sự, công an trở về nông thôn lao động để làm nòng cốt cho xây dựng cốt cán đoàn thể và cán bộ hệ thống chính trị cấp cơ sở. Đào tạo cán bộ nông thôn phải rất thiết thực, hiệu quả, coi trọng thực hành, hạn chế lý thuyết dài dòng, xa rời thực tế.

Do vùng nông thôn mỗi nơi có đặc điểm rất khác nhau về điều kiện địa lý, địa mạo, địa hình, thủy văn, dân cư, phong tục tập quán nên phải phân cấp mạnh mẽ, tạo dư địa rộng cho phát huy quyền tự chủ của địa phương trong hoạch định các chính sách địa phương, thực hiện quản trị địa phương. Trong điều kiện kinh tế thị trường càng phải chú ý phân cấp, phân quyền, lấy tín hiệu thị trường làm căn

cứ cho các quyết định lãnh đạo quản lý, bảo đảm tính linh hoạt, chủ động, thích ứng tình hình. Đặc biệt các địa phương miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng hải đảo xa xôi, rất cần đến *phân cấp, phân quyền đủ rộng* để địa phương có đủ thẩm quyền giải quyết những vấn đề đặc thù phát sinh trên địa bàn. Mặt khác, phải tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm tra, kịp thời uốn nắn các hành vi sai phạm, nhất là các biểu hiện tùy tiện, cục bộ địa phương. Thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã mạnh dạn thực hiện phân cấp, phân quyền, nhưng khâu kiểm tra, thanh tra chưa ngang tầm, để xảy ra nhiều sai phạm, khiến phải xử lý hình sự, mất mát cán bộ. Cùng với tăng cường thanh tra, kiểm tra của Trung ương đối với địa phương là phải nâng cao hiệu quả tự kiểm tra, giám sát nội bộ; kiểm tra, giám sát của cấp tỉnh đối với cấp huyện, cấp huyện đối với cấp xã, xử lý nghiêm các sai phạm để cảnh tỉnh, răn đe, chống các biểu hiện tùy tiện, cục bộ địa phương.

Kết hợp giữa *luật pháp với luật tục*, giữa *tri thức khoa học với tri thức bản địa* trong quản lý xã hội nông thôn là một đặc điểm nổi bật cần được chú

trọng. Tuyệt đối hóa luật tục dễ dẫn tới tùy tiện, xa rời luật pháp, nhưng không coi trọng đúng mức luật tục thì luật pháp khó vào cuộc sống. Cán bộ công tác ở nông thôn phải nắm vững phong tục, tập quán, luật tục không chỉ phục vụ có hiệu quả cho công tác vận động quần chúng, mà kể cả hoạch định chính sách địa phương thuận lòng dân, được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Cùng với đó phải coi trọng tri thức địa phương, tri thức tộc người trên tất cả các lĩnh vực quản lý tài nguyên, môi trường, phương thức tổ chức sản xuất, quản lý xã hội,... để bảo đảm cho tri thức khoa học đi vào cuộc sống một cách thuận lợi. Tri thức địa phương được chung đúc từ chính môi trường sống, lao động, sản xuất, được thử thách qua nhiều thế hệ, được lưu giữ và trao truyền qua trí nhớ, thực hành, nên nó phù hợp với thực tiễn đa dạng của từng tộc người, từng địa bàn. Thất bại của một số chính sách vĩ mô khi tổ chức thực hiện ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nguyên nhân sâu xa từ thiếu hiểu biết tri thức địa phương, áp đặt cứng nhắc chính sách chung vào những địa bàn đặc thù. Các sản phẩm thuộc

“Chương trình mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có giá trị cao khi bán trên thị trường, sâu xa chính là sự kết tinh các giá trị tài nguyên bản địa và tri thức bản địa. Chính tri thức bản địa tạo nên những sản phẩm độc đáo phục vụ cho du lịch, tạo nên tính đa dạng của bản sắc văn hóa vùng miền, tộc người, địa phương. Khi chúng được hóa thân vào sản phẩm độc đáo/khác biệt trao đổi trên thị trường sẽ tạo nên những giá trị vượt trội so với sản phẩm được sản xuất theo kiểu đại trà.

Đối với địa bàn nông thôn cần chú trọng đến phát huy trách nhiệm của người đứng đầu, trước hết là trách nhiệm nêu gương. Bất cứ nơi nào nêu gương cũng quan trọng, nhưng với người dân nông thôn nêu gương càng được đề cao khi họ *trọng làm hơn nói, trọng thực hành hơn lý thuyết*. Vì vậy, điều quan trọng là phải cải cách hành chính đảng, cải cách hành chính nhà nước mạnh mẽ ở nông thôn, khắc phục bệnh văn bản dài dòng khiến cho cán bộ cấp dưới và người dân khó tiếp nhận, thậm chí rất mệt mỏi với “báo cáo”. Văn bản phải thật ngắn gọn, súc tích, dễ nhớ, dễ làm, đúc kết thành phương châm *rõ việc, rõ người, rõ địa*

chỉ, rõ kết quả. Đặc biệt cán bộ lãnh đạo phải thật sự gương mẫu thì mới thuyết phục được cấp dưới, khiến quần chúng tin và làm theo. Cần gấp rút *hoàn thiện lý luận về lãnh đạo địa phương và quản trị địa phương*; xây dựng những quy định khung cho các địa phương định hình phương thức lãnh đạo, quản lý đặc thù cho riêng mình; xây dựng các bộ ứng xử của cán bộ với cấp dưới, với người dân, được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong đó có lấy ý kiến về mức độ hài lòng của người dân đối với lãnh đạo, nhất là cán bộ hệ thống chính trị cơ sở nông thôn.

4. *Phát huy dân chủ, xây dựng khối đoàn kết nông thôn, tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân bắt đầu từ giải quyết những vấn đề thiết thực của đời sống dân sinh, phát triển nông thôn, xử lý từ sớm, từ gốc, từ xa các yếu tố tiềm ẩn nguy cơ gây xung đột xã hội nông thôn.*

Phát huy dân chủ, xây dựng khối đại đoàn kết nông thôn dựa trên mẫu số chung là cùng chung tay xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Đó là hướng đến sản xuất theo chuỗi giá trị; nâng

cao đời sống nông dân khá giả, văn minh; phát triển nông thôn hiện đại, giàu bản sắc văn hóa dân tộc. Tuyên truyền, giáo dục, tổ chức, vận động nông dân chuyển mạnh từ nền nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp sinh thái, tiếp cận với thị trường theo chuỗi giá trị, sản xuất “xanh”, an toàn, liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp, lấy hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác làm nòng cốt. Đoàn kết và dân chủ phải dựa trên cơ sở không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân nông thôn, xây dựng nông dân khá giả, định hình những nhà nông thế hệ mới chuyên nghiệp, thích ứng với nền kinh tế thị trường hiện đại. Hướng tới nông dân và nông thôn văn minh trên cơ sở kế thừa, chọn lọc các giá trị truyền thống tốt đẹp và gạn lọc, loại bỏ các hủ tục lạc hậu hàng ngàn đời đè nặng lên vai người nông dân và mỗi xóm làng, từ ăn, ở, vệ sinh, đi lại, tổ chức gia đình, làng xóm gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và bảo đảm nguồn lực giải quyết những vấn đề cấp bách về phát triển của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực cho khu vực nông thôn

bảo đảm phát triển bền vững, khắc phục tình trạng thiếu hụt nhân lực có kiến thức và kỹ năng phục vụ cho phát triển kinh tế và quản lý xã hội nông thôn. Phát huy vai trò của các Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân để bảo đảm nguồn vốn cho khu vực nông thôn, đẩy lùi tình trạng “tín dụng đen”. Phát triển *mô hình trung tâm đầu giá nông sản* để bảo đảm giá cả nông sản ổn định, mang lại lợi ích cao nhất cho nông dân. Tiếp tục hỗ trợ cho người nghèo, người thu nhập thấp mua bảo hiểm y tế, bảo đảm mở rộng phạm vi bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Coi trọng củng cố y tế cơ sở, y tế cộng đồng gắn với xây dựng đội ngũ *bác sĩ cộng đồng* đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng, hướng tới quản lý hồ sơ sức khỏe đến từng cá nhân, hộ gia đình gắn với chuyển đổi số. Thực hiện cấp phát miễn phí một số tờ báo, radiô đến tận nhà văn hóa thôn/bản; đặt lộ trình miễn phí internet tại các không gian công cộng nông thôn. Nghiên cứu các mô hình *bảo hiểm nông nghiệp* và bảo đảm *lương hưu cho nông dân*.

Xây dựng quan hệ giai cấp tại nông thôn hướng vào tạo nền tảng vững chắc cho củng cố hệ thống chính trị và dẫn

dắt người dân làm kinh tế. Vừa chăm lo giảm nghèo bền vững, vừa đầu tư xứng đáng vào *phát triển các nhân tố tiêu biểu, ưu trội có năng lực làm ăn kinh tế, có tinh thần cộng đồng, có tố chất dẫn dắt xã hội nông thôn*, kể cả đào tạo, bồi dưỡng, cơ cấu làm bí thư cấp ủy cơ sở. Đó là những nhà nông thế hệ mới hoặc những hộ kinh doanh kinh tế nông thôn tiêu biểu. Thu hút những sinh viên được đào tạo bài bản, có tâm huyết với nông nghiệp trở về nông thôn khởi nghiệp bằng các cơ chế ưu đãi vay vốn, tạo quỹ đất phát triển nông trại, ứng dụng khoa học - công nghệ kết hợp với phát huy giá trị tri thức địa phương, đồng thời tạo nguồn cho cán bộ hệ thống chính trị cơ sở. Chuyển đổi các trường đào tạo kỹ sư nông nghiệp hướng mạnh vào đào tạo *kỹ sư thực hành* mà ở đó phải dành ít nhất 50% thời gian đào tạo để xây dựng đề án và thực hành đề án để trở thành những nhà nông chuyên nghiệp (đề án phải xác định được quỹ đất, cơ chế có được quỹ đất, mô hình tổ chức sản xuất, đầu vào, đầu ra sản phẩm, công nghệ ứng dụng, thị trường lựa chọn, địa chỉ cung cấp nguồn vốn, địa chỉ bảo lãnh... và thực nghiệm đề án đó).

Kiện toàn hệ thống chính trị cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả thực hành dân chủ trong sinh hoạt cấp ủy, chính quyền. Củng cố, tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng khối đoàn kết nông thôn. Nâng cao năng lực và chủ động tham dự của Hội nông dân trong những vấn đề thiết thực của giai cấp nông dân, thực hiện liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức trong điều kiện mới (như mô hình “bốn nhà” – nhà nông, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nước). Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trước nhân dân những vấn đề trong phạm vi quy định, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo, làm tốt công tác dân vận. Phát huy vai trò của tri thức địa phương, của luật tục trong quản lý xã hội nông thôn, *kết hợp giữa cơ chế quản lý hành chính nhà nước với cơ chế tự quản của cộng đồng* gắn với tôn trọng, sử dụng già làng, trưởng bản, người có uy tín. Tập trung củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức cơ sở đảng tại các vùng có đông giáo dân,

vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, căn cứ kháng chiến. Chú trọng năng lực tham dự của *Ngân hàng chính sách xã hội* vào công tác xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở gắn với những chương trình hành động, việc làm thiết thực, cụ thể như xóa đói giảm nghèo, đẩy lùi tình trạng “tín dụng đen”. Củng cố, nhân rộng các mô hình *hội quán, thiết chế văn hóa ở làng/ bản* kết hợp giữa sinh hoạt chính trị với chia sẻ kinh nghiệm quản lý cộng đồng, kinh nghiệm làm ăn, sinh hoạt văn hóa. Cần đổi mới hình thức và nội dung sinh hoạt chi bộ; triển khai các chủ trương của Đảng ở cộng đồng dân cư bảo đảm dung dị, gần gũi với nhu cầu thiết thân của người dân; mở rộng việc nhất thể hóa bí thư chi bộ và trưởng thôn/bản. Các chi hội, chi đoàn, câu lạc bộ của các đoàn thể nhân dân (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh) tại cơ sở phải *vận hành theo cơ chế cộng đồng, bảo đảm tính cộng đồng sâu sắc*, đủ sức hấp dẫn lôi cuốn đoàn viên, hội viên giải quyết những vấn đề cuộc sống cấp bách đặt

ra như giảm nghèo, làm giàu chính đáng, bình đẳng giới, nuôi dạy con cái, đào tạo nghề, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự thôn xóm.

Phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn *từ sớm, từ xa, từ gốc* những nhân tố tiềm ẩn có nguy cơ gây mất ổn định nông thôn dựa trên nguyên lý cộng đồng kết hợp với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, nhất là ở những nơi có điểm nóng về tranh chấp đất đai, “tín dụng đen”, ô nhiễm môi trường, vùng có đông giáo dân, đồng bào dân tộc thiểu số bị các thế lực xấu lợi dụng, kích động, chia rẽ khối đoàn kết nông thôn. Cần đặc biệt coi trọng củng cố, kiện toàn, nâng cao hiệu lực quản lý của hệ thống chính trị cơ sở những địa bàn có xung đột tôn giáo, dân tộc, kể cả tăng cường cán bộ từ cấp trên trong một thời gian nhất định. Sớm sơ kết, đánh giá hiệu quả việc sáp nhập xã, đặt trong mối liên thông với sáp nhập huyện. Kết hợp tốt giữa phát huy vai trò của lực lượng công an cấp xã với thực hiện tự quản trong bảo vệ an ninh trật tự thôn xóm, bảo đảm môi trường cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19 ■

PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

● PGS, TS LÊ MINH THÔNG

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Tiếp tục quán triệt nhất quán nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, là nhiệm vụ quan trọng của đổi mới hệ thống chính trị

Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là một thiết chế tổ chức có vị trí, vai trò đặc biệt trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị. Trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước, nhà nước luôn là một hệ thống tổ chức trọng tâm, hạt nhân của toàn bộ hệ thống chính trị nước ta. Tổ chức và hoạt động của nhà nước luôn là yếu tố tác động mạnh mẽ đến tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị nói chung và của từng thiết

chế tổ chức trong hệ thống chính trị nói riêng. Sự đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước tạo các tiền đề để các tổ chức trong hệ thống chính trị được đổi mới và hoàn thiện. Vì vậy, cần nhận thức đúng vai trò to lớn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng của nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền trong quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của Hệ thống chính trị với ý nghĩa là một nhiệm vụ trọng tâm.

Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, là sự nghiệp của toàn dân. Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ và khoa học

tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, tạo cơ chế để cả hệ thống chính trị vào cuộc, các tầng lớp nhân dân tích cực và sáng tạo tham gia vào quá trình này.

Xây dựng hoàn thiện nhà nước pháp quyền phải được tiến hành một cách toàn diện từ phát triển, hoàn thiện lý luận về nhà nước pháp quyền XHCN, đổi mới hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt các đạo luật về thể chế nhà nước, hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, đến tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ở trung ương và địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị, gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, xử lý hài hòa các mối quan hệ giữa nhà nước; kinh tế thị trường và xã hội, phát huy dân chủ, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trên nền tảng thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

Xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền là một quá trình lâu dài, phức tạp và có nhiều thách thức. Do vậy quá trình này cần được triển khai với các chương trình, kế hoạch cụ thể

theo các lộ trình phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, là sự nghiệp của toàn dân.

2. Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của nhà nước pháp quyền XHCN trong giai đoạn phát triển mới của đất nước

Trong giai đoạn đến 2030, trên cơ sở các quy định của Hiến pháp 2013 tiếp tục hoàn thiện các thể chế nhà nước đáp ứng yêu cầu, đổi mới của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xây dựng nền dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tập trung đổi mới các thể chế về tổ chức bộ máy nhà nước, thể chế pháp luật, thể chế hành chính, thể chế tư pháp, tạo đồng bộ, giữa các thể chế nhà nước, qua đó nâng cao thực chất hiệu quả, hiệu lực của cả bộ máy nhà nước.

Việc hoàn thiện các thể chế nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền, vừa

phải đồng bộ với các cải cách kinh tế, vừa phải tạo ra những động lực mới thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và quyền làm chủ của nhân dân.

Tiếp tục làm rõ mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền XHCN và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta, xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, và trách nhiệm của bộ máy nhà nước trong nền kinh tế thị trường, xây dựng và hoàn thiện cơ chế giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường, đảm bảo tính định hướng XHCN của nền kinh tế và tôn trọng các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường.

Quán triệt và thực hiện nhất quán bản chất của nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, xây dựng và hoàn thiện cơ chế đảm bảo nhân dân thật sự làm chủ nhà nước. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong mối quan hệ với công dân cơ bản được xác định thông qua việc thể chế hóa nguyên tắc: “cơ quan nhà nước chỉ được làm những gì “luật cho phép”

và công dân được làm tất cả trừ những điều luật cấm.”

Tiếp tục cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền công dân, sớm đồng bộ các luật về quyền con người, quyền công dân, tạo lập các cơ chế khả thi để công dân bình đẳng về quyền và bình đẳng về cơ hội, điều kiện để thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở nguyên tắc “quyền lực nhà nước là thống nhất” xác định rõ các cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Để đảm bảo sự phân công hợp lý trong thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất, tập trung nghiên cứu và quy định rõ hơn phạm vi, quyền hạn và trách nhiệm của quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp, để tổ chức hợp lý các cơ quan thực hiện các quyền này, theo đúng yêu cầu của nhà nước pháp quyền XHCN.

Việc phân công phối hợp giữa các cơ quan nhà nước thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp cần khắc phục các chồng lấn về thẩm quyền, bảo đảm mỗi một quyền chỉ do một cơ quan chủ trì thực hiện

và sự tham gia thực hiện của các cơ quan nhà nước khác, tạo sự thông suốt nhịp nhàng trong thực hiện và phối hợp thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp, cần nghiên cứu quy định rõ phạm vi, nội dung, phương thức phối hợp, quy trình thủ tục phối hợp đảm bảo tính chặt chẽ, trách nhiệm và hiệu quả đối với việc thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất nói chung và thực hiện mỗi quyền nói riêng.

Cơ chế phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp phải luôn gắn liền với sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cơ quan trong quá trình thực hiện quyền lực do nhân dân ủy quyền. Giám sát quyền lực là điều kiện quan trọng đảm bảo cho sự phân công, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước. Xây dựng và thực hiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước là một nhiệm vụ quan trọng cấp thiết cần được quan tâm chỉ đạo và tổ chức

triển khai trong giai đoạn 2021 – 2026 và cần được hoàn thiện vào năm 2030. Song song với việc tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả kiểm soát của Quốc hội đối với việc thực hiện quyền lực của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan nhà nước khác do Quốc hội thành lập, cần quan tâm khẩn trương xây dựng cơ chế kiểm soát của Chính phủ đối với việc thực hiện quyền lực của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, cơ chế kiểm soát của Tòa án nhân dân tối cao đối với việc thực hiện quyền lực của Quốc hội và Chính phủ.

Trong cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp, và quyền tư pháp cần làm rõ vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước – Nguyên thủ quốc gia trong việc đảm bảo sự cân bằng, phân công, phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, đặc biệt vai trò và phương thức kiểm soát của Chủ tịch nước đối với việc thực hiện quyền lực do nhân dân ủy quyền cho bộ máy nhà nước.

Việc hoàn thiện các chức năng

nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của bộ máy nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ tiến hành ở các cơ quan nhà nước ở trung ương mà còn phải được đẩy mạnh đối với chính quyền địa phương các cấp. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp 2013 về chính quyền địa phương, cần tiếp tục phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương.

Sau 2030 và tầm nhìn đến 2045 tổng kết đánh giá việc thực hiện các quy định của Hiến pháp 2013 về tổ chức và hoạt động của nhà nước, có thể nghiên cứu sửa đổi bổ sung Hiến pháp, nhằm tạo lập cơ sở hiến định mới cho tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền XHCN hiện đại, tiên tiến, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

3. Hoàn thiện tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền XHCN

Việc hoàn thiện các chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của bộ máy nhà nước pháp quyền XHCN không chỉ tiến hành ở các cơ quan nhà nước ở trung ương mà còn phải được đẩy mạnh đối với chính quyền địa phương các cấp.

Hoàn thiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy nhà nước theo các quy định của Hiến pháp 2013, làm rõ vị trí, vai trò, thẩm quyền của cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp và cơ chế quan hệ giữa các cơ quan này trong phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước. Trong mô hình tổng thể tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương, nghiên cứu cụ thể hóa quy định của Hiến pháp về Chủ tịch nước, phù hợp với vị trí là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội và đối ngoại, thống lĩnh các lực lượng

vũ trang, đặc biệt vai trò của Chủ tịch nước trong mối quan hệ với cơ quan thực hiện quyền lập pháp, tư pháp.

Trong mô hình tổng thể bộ máy nhà nước cần tiếp tục cụ thể hóa mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trong lĩnh vực thực hiện quyền tư pháp, đảm bảo Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp theo



*Kiện toàn các chức danh chủ chốt của Quốc hội,
Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ trao các nghị quyết về công tác cán bộ _
Ảnh: toquoc.vn*

đúng quy định của Hiến pháp. Nâng cao địa vị pháp lý và tổ chức hợp lý các thiết chế hiện định để phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức này trong mô hình tổng thể bộ máy nhà nước, nghiên cứu khả năng xây dựng bổ sung thêm các thiết chế hiến định độc lập sau khi Hiến pháp 2013 được sửa đổi, bổ sung.

Tiếp tục đổi mới tổ chức hoạt động của Quốc hội bảo đảm Quốc hội thật sự là cơ quan đại biểu cao nhất của

nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao, nhất là đối với việc kiểm soát quyền lực, quản lý và sử dụng các nguồn lực của đất nước.

Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả của bộ máy Quốc hội theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp, đổi mới luật bầu cử đại biểu Quốc hội để cử tri lựa chọn được các

đại biểu xứng đáng, đại diện cho ý chí, lợi ích của nhân dân, có đủ phẩm chất đạo đức, uy tín, năng lực chuyên môn ngang tầm với nhiệm vụ. Tăng hợp lý số lượng đại biểu chuyên trách, giảm số đại biểu công tác tại các cơ quan hành pháp, tư pháp.

Sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn của Quốc hội, tăng thêm hợp lý số lượng các Ủy ban của Quốc hội, điều chỉnh các lĩnh vực phụ trách của Hội đồng dân tộc, các ủy ban, khắc phục các chồng chéo trong nhiệm vụ, chức năng của một số Ủy ban.

Đổi mới quy trình lập pháp phù hợp với phạm vi quyền lập pháp của Quốc hội. Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các cơ quan hữu quan trong xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

Hoàn thiện các hình thức và phương thức giám sát tối cao, đổi mới hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn, tăng cường lấy phiếu tín nhiệm và hoàn thiện cơ chế bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn. Đổi mới mạnh mẽ nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội, đặc biệt đổi mới quy trình thủ tục tiến hành kỳ

họp của Quốc hội, tạo điều kiện để từng bước Quốc hội chuyển sang hoạt động thường xuyên.

Nghiên cứu xây dựng và sớm thông qua luật về Chủ tịch nước nhằm cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp về vai trò, chức năng, quyền hạn của Chủ tịch nước, nâng cao vị thế Chủ tịch nước trong vai trò là người đứng đầu nhà nước, thay mặt nước CHXHCN Việt Nam về đối nội, đối ngoại, chủ tịch hội đồng quốc phòng an ninh, thống lĩnh các lực lượng vũ trang.

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức Chính phủ, xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Kiện toàn cơ cấu tổ chức Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực. Xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho công dân, tổ chức và doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của

mình. Áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào hoạt động của Chính phủ, của các cơ quan hành chính; đẩy nhanh tiến độ, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Làm rõ chức năng, thẩm quyền tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân trong vai trò là cơ quan thực hiện quyền tư pháp theo quy định của Hiến pháp. Tiếp tục thực hiện chủ trương tổ chức Tòa án nhân dân không theo đơn vị hành chính lãnh thổ, theo thẩm quyền xét xử, bảo đảm nguyên tắc độc lập, nguyên tắc tranh tụng trong hoạt động xét xử, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo và đương sự. Tinh gọn tổ chức bộ máy Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân các cấp, phân định rành mạch các quan hệ quản lý hành chính và quan hệ tố tụng, trong tổ chức và hoạt động của Tòa án cấp cao, cấp tỉnh, cấp huyện, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống Tòa án nhân dân.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Làm rõ vị trí, vai trò, tính chất của Viện kiểm sát nhân dân trong hoạt động tư

pháp và mối quan hệ với Tòa án nhân dân, đảm bảo tòa án thực hiện quyền tư pháp. Nghiên cứu chuyển Viện kiểm sát nhân dân thành viện công tố, tăng thẩm quyền điều tra, tố tụng của Viện kiểm sát nhân dân đối với các vụ án hình sự, đặc biệt các vụ án tham nhũng.

Kiện toàn tổ chức cơ quan điều tra, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của cơ quan điều tra. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức luật sư, của các cơ quan hỗ trợ tư pháp.

Đổi mới chính quyền địa phương theo các quy định của Hiến pháp 2013. Đa dạng hóa mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm của nông thôn, đô thị, hải đảo.

Tổng kết thí điểm mô hình chính quyền địa đô thị, trên cơ sở đó triển khai xây dựng luật tổ chức chính quyền đô thị. Nghiên cứu, quy định rõ mô hình cơ quan hành chính nhà nước tại các đơn vị hành chính lãnh thổ không tổ chức cấp chính quyền địa phương. Tiếp tục triển khai chủ trương sáp nhập các đơn vị hành chính không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định đối với

cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh. Hoàn thiện các quy định, pháp luật để mỗi cấp chính quyền địa phương thực sự là một pháp nhân công quyền, đủ điều kiện và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm về phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm với nhiệm vụ của nhà nước pháp quyền trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Mở rộng việc thí điểm nhân dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và các cấp chính quyền địa phương, thi tuyển chức danh cán bộ quản lý; hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát và kiểm soát việc thực thi công vụ, xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính.

Cải cách hoàn thiện chính sách tiền lương, chính sách đãi ngộ, tạo môi trường, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung. Có cơ chế chặt chẽ, minh bạch để sàng lọc, thay thế kịp thời những người không

đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, không hoàn thành nhiệm vụ ra khỏi bộ máy nhà nước.

4. Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch

Hoàn thiện pháp luật về thể chế nhà nước.

Cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp 2013 về phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp Đối mới, hoàn thiện mô hình tổng thể bộ máy nhà nước.

Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, tạo cơ sở pháp luật để Quốc hội chuyển dần sang chế độ hoạt động thường xuyên.

Nghiên cứu xây dựng luật về Chủ tịch nước để cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp về người đứng đầu nhà nước, về vai trò của Chủ tịch nước trong phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực.

Hoàn thiện pháp luật về Chính phủ, và nền hành chính quốc gia theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, xây dựng nền hành chính quốc gia hiện đại, chuyên nghiệp.

Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, quy định rõ tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân phù hợp với tính chất là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, làm rõ tính chất và đổi mới mô hình Viện kiểm sát nhân dân, hoàn thiện các cơ quan điều tra, hỗ trợ tư pháp.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về chính quyền địa phương theo hướng đa dạng hóa mô hình tổ chức, nghiên cứu xây dựng luật về chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về quyền con người, quyền công dân.

Hoàn thiện các quy định pháp luật thể chế hóa Hiến pháp 2013 về quyền con người, quyền công dân, nội luật hóa các quy định của công ước quốc tế về quyền con người.

Tiếp tục thể chế hóa các quyền hiến định về quyền lập hội, quyền biểu tình, quyền sống trong môi trường trong lành, quyền xác định dân tộc, quyền an toàn tính mạng. Quy định nguyên tắc đảm bảo quyền con người trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thúc đẩy cải cách thể chế

kinh tế. Hoàn thiện các quy định pháp luật về các loại thị trường, các thành phần kinh tế, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, pháp luật về hợp đồng, về quyền sở hữu, về tài chính, ngân sách, thuế quan, về giải quyết tranh chấp kinh tế, phá sản doanh nghiệp nhằm khắc phục các rào cản pháp lý, tạo môi trường thuận lợi và an toàn tuân thủ các nguyên tắc cạnh tranh, bình đẳng, công bằng trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về giáo dục đào tạo, khoa học, văn hóa và xã hội.

Thể chế hóa đầy đủ quan điểm giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu, tạo các đột phá trong giáo dục, đào tạo, phát triển khoa học công nghệ, phấn đấu đến 2030 đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và châu lục.

Hoàn thiện pháp luật về văn hóa, thể thao, du lịch, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội.

Gắn kết với sự phát triển kinh tế, xã hội củng cố nền tảng đạo đức xã hội phục vụ người dân.

Hoàn thiện pháp luật về quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế.

Đảm bảo sự gắn kết giữa quốc phòng an ninh với kinh tế, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho củng cố, tăng cường sức mạnh, năng lực, quốc phòng, an ninh trong bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ.

Đẩy mạnh rà soát các văn bản pháp luật, đảm bảo sự tương thích với các cam kết, các điều ước quốc tế Việt Nam đã ký kết, phê chuẩn, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để Việt Nam chủ động hội nhập sâu rộng, toàn diện vào đời sống quốc tế.

5. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật

Tiếp tục đổi mới quy trình, thủ tục xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, rõ ràng, dễ tiếp cận, dễ thực hiện. Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của các chủ thể trong các giai đoạn của quy trình lập pháp, quyền, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân chịu sự tác động của luật, lấy lợi ích của người dân, doanh nghiệp làm căn cứ để xây dựng luật.

Khắc phục việc ban hành luật khung, luật có phạm vi điều chỉnh quá rộng, tập trung xây dựng các luật có đối tượng phạm vi điều chỉnh hợp lý, nội dung ngắn, rõ, dễ dàng tổ chức thực hiện.

Hạn chế tối đa việc ủy quyền lập pháp, giao nhiều điều khoản cho Chính phủ quy định, đảm bảo luật ban hành có hiệu lực trực tiếp.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong giải thích luật:

Đẩy mạnh công tác tổ chức thi hành pháp luật; cải cách trình tự, thủ tục tổ chức thi hành pháp luật đảm bảo công khai, minh bạch,

Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong tổ chức thi hành pháp luật, tăng cường cơ chế, giám sát, kiểm tra, thanh tra, của cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp và người dân đối với công tác thi hành pháp luật.

Bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thi hành pháp luật, xử lý nghiêm các vi phạm.

Quy định cụ thể các tiêu chí định giá hiệu quả thi hành pháp luật, Nghiên

cứu sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về tổ chức thi hành pháp luật, quy định rõ, minh bạch trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ công chức trong tổ chức thi hành pháp luật.

Tăng cường điều kiện, phương thức và khả năng để người dân tiếp cận hệ thống pháp luật một cách dễ dàng, thuận lợi.

Triển khai hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục tuyên truyền pháp luật, không ngừng nâng cao ý thức pháp luật, tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật của các tầng lớp nhân dân.

Phát triển đồng bộ các dịch vụ pháp luật, đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ pháp luật; phát triển số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư, tư vấn pháp luật, tăng cường mạng lưới trợ giúp pháp lý miễn phí cho các đối tượng chính sách.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, cán bộ, công chức trong tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu, quan tâm đầu tư thích đáng cho công tác tổ chức thi hành pháp luật.

6. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân

Không ngừng quán triệt và nâng cao nhận thức của toàn xã hội về dân chủ XHCN là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là nhiệm vụ xuyên suốt quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Mọi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước phải xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, được nhân dân tham gia ý kiến. Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện.

Dân chủ XHCN phải được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ chính trị, kinh tế, đến tư tưởng, văn hóa xã hội. Cần rà soát các cơ chế thực hành dân chủ trong từng lĩnh vực cụ thể của

đời sống xã hội để sửa đổi, hoàn thiện, ban hành mới đảm bảo mỗi lĩnh vực dân chủ đều có cơ chế pháp lý đầy đủ để thực hiện, tạo điều kiện, môi trường minh bạch, thuận lợi cho mỗi cơ quan tổ chức, người dân phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân.

Để thực hiện dân chủ trong đời sống xã hội trước hết phải đẩy mạnh thực hành dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Đảng, bảo đảm phát huy dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy đầy đủ dân chủ trong xã hội.

Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, đặc biệt là tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử để đảm bảo nhân dân làm chủ bằng nhà nước, thông qua nhà nước. Nghiên cứu, hoàn thiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND, tạo cơ chế tối đa để cử tri tự do lựa chọn các đại biểu xứng đáng bầu vào Quốc hội, HĐND các cấp đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đại diện cho

ý chí, nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân

Đẩy mạnh dân chủ hóa trong các hoạt động của bộ máy nhà nước, đảm bảo công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình trước nhân dân. Thực hiện nghiêm chế độ tiếp công dân, đối thoại với nhân dân, lắng nghe ý kiến, kiến nghị của nhân dân, giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của nhân dân theo đúng quy định của pháp luật.

Thể chế hóa và nâng cao chất lượng các hình thức dân chủ trực tiếp của người dân. Trước hết tập trung xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan trực tiếp quyền làm chủ của nhân dân. Nghiên cứu xây dựng và sớm ban hành luật về dân chủ cơ sở, trên cơ sở tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở, pháp lệnh dân chủ ở cơ sở để thể chế ở tầm đạo luật, phương châm: “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra giám sát và dân thụ hưởng.”

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế nhân dân tham gia vào các công

Xây dựng, hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân là nhiệm vụ xuyên suốt quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

việc nhà nước. Hoàn thiện các quy định pháp luật về việc lấy ý kiến nhân dân đối với các dự thảo văn bản pháp luật, đối với các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế xã hội quan trọng, trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến nhân dân đối với các vấn đề được đưa ra lấy ý kiến. Hoàn thiện cơ chế, hình thức, phương thức tập hợp ý kiến, kiến nghị của nhân dân đối với các văn kiện của Đảng, chương trình nghị sự tại các kỳ họp của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Xây dựng kế hoạch, khả năng thực hiện việc trưng cầu ý dân theo quy định của Luật trưng cầu ý dân đã được Quốc hội thông qua.

Nghiên cứu xây dựng Luật giám sát xã hội, phản biện xã hội, tạo cơ chế pháp lý minh bạch để các tầng lớp nhân dân thực hiện quyền giám sát của mình đối với hoạt động của các tổ chức Đảng, Đảng viên, bộ máy nhà nước, công chức và viên chức nhà nước, việc sử dụng tài chính công, tài sản công, phòng chống tham nhũng và các vi phạm pháp luật.

Phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ

của nhân dân. Tham gia tích cực vào công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, góp phần đảm bảo nhà nước ta thật sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Phát huy dân chủ đi liền với tăng cường pháp chế, đề cao trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đề cao đạo đức xã hội, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức. Xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng dân chủ làm mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của nhà nước, xã hội, nhân dân.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền XHCN là một nguyên tắc hiến định, được xác định trong Hiến pháp Việt Nam: “Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội...”. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là yêu cầu cốt lõi, điều kiện tiên quyết để đảm bảo nhà nước ta thật sự là nhà nước pháp quyền XHCN, thật sự của dân, do dân, vì dân.

Là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo xã hội bằng nhà nước và thông qua nhà nước.

Đảng phải tăng cường lãnh đạo quá trình cải cách, hoàn thiện bộ máy nhà nước theo nguyên tắc pháp quyền, đảm bảo bộ máy nhà nước được tổ chức hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, thực hiện tốt quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế xử lý hài hòa, hiệu quả mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý điều hành của nhà nước theo đúng phương châm “Đảng lãnh đạo nhà nước nhưng không làm thay nhà nước”.

Tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy của Đảng, theo hướng tinh gọn, hiệu quả, khắc phục tình trạng bộ máy Đảng song trùng với bộ máy nhà nước, chồng chéo chức năng, lẫn lộn trách nhiệm.

Các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến địa phương cần tăng cường sử dụng bộ máy nhà nước thực hiện chức năng tham mưu, đề xuất chủ

trương chính sách. Các cơ quan chuyên môn trong tổ chức bộ máy Đảng, tập trung vào công tác tham mưu xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, dân vận, kiểm tra, công tác hành chính trong hoạt động của Đảng.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là yêu cầu cốt lõi, điều kiện tiên quyết để đảm bảo nhà nước ta thật sự là nhà nước pháp quyền XHCN, thật sự của dân, do dân, vì dân.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng xây dựng chiến lược, các định hướng chính sách của Đảng, đổi mới quy trình xây dựng và ban hành nghị quyết. Các nghị quyết của Đảng cần tập trung vào những vấn đề có tính chiến lược, cơ

bản, những vấn đề trọng đại của đất nước trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong mỗi giai đoạn phát triển bền vững đất nước. Nội dung các nghị quyết tập trung vào các quan điểm định hướng lớn, mục tiêu cơ bản tạo khuôn khổ chính trị để các cơ quan có thẩm quyền của nhà nước chủ động, linh hoạt quyết định các nhiệm vụ, chủ trương, giải pháp cụ thể, khắc phục sự trùng lặp về nội dung trong nghị quyết của Đảng và các văn bản pháp luật do các cơ quan nhà nước xây

dụng, ban hành theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Xây dựng, hoàn thiện các cơ chế để cụ thể hóa nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, đối với từng thiết chế trong tổ chức bộ máy nhà nước để phù hợp với tính chất, vai trò, chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Hoàn thiện tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của các tổ chức của Đảng trong hệ thống các cơ quan nhà nước, xử lý hài hòa quan hệ công tác giữa tập thể cấp ủy và tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức nhà nước; giữa người đứng đầu cấp ủy và người đứng đầu cơ quan nhà nước, vừa đảm bảo các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng vừa đảm bảo nguyên tắc hoạt động của cơ quan nhà nước.

Tiếp tục hoàn thiện quy chế làm việc của các cấp ủy, các cấp từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ chính trị, Ban bí thư đến cấp ủy địa phương, trên cơ sở đó hoàn thiện quy chế về mối quan hệ công tác giữa cấp ủy Đảng và cơ quan chính quyền tương ứng cùng cấp, tập trung xác định rõ, cụ thể thẩm quyền và phương thức xử lý các nhóm vấn đề:

Những vấn đề của nhà nước do cấp ủy quyết định; những vấn đề thuộc quyền quyết định của cơ quan nhà nước nhưng xin ý kiến cấp ủy; những vấn đề do cơ quan nhà nước tự quyết định.

Nghiên cứu thể chế hóa, cụ thể hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tiếp tục đổi mới quy trình cán bộ, đặc biệt quy trình Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền phù hợp với các quy định pháp luật về bầu cử.

Đổi mới, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước, hoàn thiện tổ chức của các cơ quan kiểm tra của Đảng, các cơ quan thanh tra, giám sát trong bộ máy nhà nước, khắc phục sự chồng chéo, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra Đảng và thanh tra nhà nước theo đúng điều lệ Đảng và pháp luật, nhằm không ngừng củng cố, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của bộ máy nhà nước ■

ĐỔI MỚI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

● **Trung tướng, PGS, TS TRẦN VI DÂN**

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương,

Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân



Tòa án nhân dân tối cao - cơ quan xét xử cao nhất nước CHXHCN Việt Nam _

Ảnh: vov.vn

1. Một số vấn đề lý luận về thi hành án hình sự

Thi hành án hình sự là hoạt động của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật buộc người bị kết án phải tuân thủ, chấp hành các hình phạt, biện pháp tư pháp theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm mà họ gây ra nhằm bảo đảm tính đúng đắn, nghiêm minh của pháp luật, đồng thời có ý nghĩa giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Thi hành án hình sự là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước nhằm thực hiện bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án trong thực tiễn. Đây là hoạt động được diễn ra nối tiếp, ngay sau quá trình xét xử của Tòa án. Các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực - kết quả của toàn bộ quá trình tố tụng hình sự là cơ sở, căn cứ để tiến hành hoạt động thi hành án hình sự. Mặc dù việc xét xử khách

quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật là quan trọng nhưng khi các bản án chỉ dừng lại ở mức đánh giá, lên án mà không được thi hành hoặc thi hành không đúng trong thực tiễn thì trật tự, kỷ cương xã hội không được bảo đảm, quyền lực nhà nước bị coi thường, toàn bộ quá trình tố tụng của hệ thống cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và các hoạt động hỗ trợ tư pháp sẽ không có nhiều ý nghĩa đối với công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và tính chịu hình phạt bị hạn chế.

Chỉ khi bản án, quyết định của Tòa án được thi hành thì công lý, công bằng mới được thực hiện trong cuộc sống. Chính vì vậy, hoạt động thi hành án hình sự nhằm đảm bảo việc thi hành nghiêm túc các bản án, quyết định của Tòa án là yêu cầu khách quan trong hoạt động quản lý nhà nước, góp phần giữ vững trật tự, kỷ cương phép nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, đảm bảo tính đúng đắn, nghiêm minh của pháp

luật. Điều này đã được khẳng định rõ trong Hiến pháp năm 2013: “*Bản án, quyết định của tòa án nhân dân có hiệu lực pháp luật phải được cơ quan, tổ chức, cá nhân tôn trọng; cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan phải nghiêm chỉnh chấp hành*”¹.

Thi hành án hình sự đồng thời là hoạt động nghiệp vụ của lực lượng Công an nhân dân, một trong những nội dung quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, thể hiện quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước ta đối với công tác cải tạo, giáo dục những người lầm lỗi. Hoạt động thi hành án một mặt đề cao tính nghiêm minh của pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, mặt khác đó là quá trình giáo dục, cải tạo phạm nhân, giúp họ nhận ra lỗi lầm của mình để tự giác cải tạo, sửa chữa, xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội, đồng thời ngăn ngừa hành vi tái phạm tội của bản thân họ, cũng như có ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa hành vi phạm tội của các đối tượng khác.

Công tác thi hành án không chỉ đơn giản là việc để người bị kết án chấp hành bản án, mà quan trọng hơn thông qua hoạt động thi hành án có tác động để thay đổi nhận thức, thái độ, định hướng giá trị tích cực cho người bị kết án, tạo tiền đề nhận thức, tâm lý, điều chỉnh, hoàn thiện, phục hồi nhân cách để họ trở thành người tốt khi tái hòa nhập cộng đồng. Thi hành án không chỉ nhằm trừng trị mà cao hơn đó là quá trình “*giáo dục, cải tạo*” người bị kết án để họ trở thành những công dân có ích cho xã hội. Do đó có thể khẳng định, chất lượng, hiệu quả của công tác thi hành án hình sự sẽ quyết định để người phạm tội sau khi có bản án hình sự phải thi hành sẽ có hay không sự “*ăn năn hối cải*”, thay đổi, điều chỉnh để hoàn lương.

Việc thi hành án hình sự ở nước ta luôn quán triệt phương châm kết hợp giữa “*trừng trị và giáo hóa*”, “*cưỡng chế và thuyết phục*”, trong đó công tác giáo dục, cải tạo con người luôn được đặt lên hàng đầu nhằm giúp người bị kết án tích cực sửa chữa, hoàn lương để sớm tái hòa nhập với gia đình, cộng đồng và xã hội. Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam năm 2015 quy định: “*Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại*

khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”².

Điều này thể hiện tính nhân văn, nhân đạo xã hội chủ nghĩa của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam đối với người có hành vi phạm tội. Thông qua cơ quan thi hành án hình sự, các biện pháp thi hành án hình sự, trực tiếp là

hình phạt không chỉ là trừng trị, trừng phạt mà quan trọng hơn phải giáo dục người phạm tội ý thức thượng tôn pháp luật, tuân thủ quy định của nhà nước - xã hội khi tái hòa nhập cộng đồng.

Bản chất của hoạt động thi hành án hình sự là hoạt động thực thi pháp luật mang tính hành chính - tư pháp. Việc thi hành các bản án đều được

tiến hành dựa trên các nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự. Nếu tất cả hoạt động tố tụng đều nhằm đạt đến một phán quyết đúng đắn của Tòa án thì thi hành án lại nhằm thực hiện các

nội dung trong phán quyết đó. Do đó có thể

Bản chất của hoạt động thi hành án hình sự là hoạt động thực thi pháp luật mang tính hành chính - tư pháp. Việc thi hành các bản án đều được tiến hành dựa trên các nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng hình sự và Luật Thi hành án hình sự.

nói, tố tụng hình sự là tiền đề, khởi đầu của thi hành án hình sự, ngược lại thi hành án hình sự là quá trình thực hiện kết quả tố tụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, hoạt động thi hành án hình sự lại mang các đặc trưng của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Trong quá trình

thi hành án, các cơ quan thi hành án (thuộc hệ thống cơ quan hành pháp) sử dụng các biện pháp giáo dục thuyết phục hoặc mệnh lệnh hành chính tác động trực tiếp tới đối tượng phải thi hành án để họ tự nguyện, tự giác thi hành hoặc áp dụng các biện pháp cưỡng chế buộc họ phải thi hành nghĩa vụ được xác định trong bản án, quyết định của Tòa án.

Thi hành án hình sự là hoạt động đa dạng, phức tạp, có phạm vi rộng, từ việc thi hành các hình phạt chính như: cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình đến các hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản, phạt tiền (khi không áp dụng là hình phạt chính), trục xuất (khi không áp dụng là hình phạt chính); thi hành các biện pháp tư pháp như: tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm, trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại, buộc công khai xin lỗi, bắt buộc chữa bệnh; các biện pháp tư pháp áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội như giáo dục tại xã phường thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng. Đối với mỗi loại hình phạt khác nhau, việc đưa bản án ra thi hành, chỉ định tổ chức, cơ quan thi hành, trình tự, thủ tục, thẩm quyền thi hành lại có sự khác nhau, được quy định cụ thể trong Luật Thi hành án hình sự và các văn bản hướng dẫn. Như vậy, thi hành án hình sự và hình phạt, biện pháp tư pháp có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại chặt

chẽ với nhau. Trong mối quan hệ này, hình phạt và biện pháp tư pháp giữ vai trò quyết định, quy định nội dung, phương pháp, hình thức, thời gian thi hành án hình sự.

Giai đoạn thi hành án hình sự bắt đầu từ khi có quyết định thi hành án và kết thúc khi người bị kết án chấp hành xong phần hình phạt chính trong bản án mà Tòa án đã tuyên đối với họ. Việc thi hành án hình sự có nghĩa là việc bắt người phạm tội phải chấp hành hình phạt của bản án đã có hiệu lực đã áp dụng đối với họ. Bản chất của hoạt động này là việc các cơ quan nhà nước tước bỏ của người phạm tội một số quyền nhất định, quyền đó có thể là quyền được sống, được được tự do đi lại, quyền được cư trú hay được làm một công việc nhất định.... Tuy nhiên, trong quá trình thi hành án hình sự, người bị kết án vẫn được hưởng những quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy, hoạt động thi hành án phải tuân thủ triệt để các quy định của Hiến pháp, pháp luật về thi hành án hình sự, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tôn trọng danh dự, nhân

phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người chấp hành án, người chấp hành biện pháp tư pháp; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa trừng trị, răn đe với giáo dục, cải tạo để vừa đảm bảo pháp chế, vừa thể hiện tinh thần nhân đạo, nhân văn sâu sắc của chế độ XHCN.

Bên cạnh đó, thi hành án hình sự còn là lĩnh vực rất nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến sinh mệnh chính trị, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, dễ bộc lộ những sơ hở, thiếu sót có thể bị các thế lực thù địch lợi dụng, xuyên tạc chống Đảng, Nhà nước, chế độ XHCN. Do đó, công tác thi hành án hình sự phải quán triệt nghiêm túc các yêu cầu về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ, cơ quan, cán bộ thi hành án phải luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, tuyệt đối không để xảy ra sai phạm tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá.

2. Thực trạng cơ sở chính trị, pháp lý và kết quả công tác thi hành án hình sự ở nước ta trong thời gian qua

Quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng

sản Việt Nam luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước và các cơ quan tư pháp, công tác tư pháp nói chung, công tác thi hành án hình sự nói riêng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (Nghị quyết số 08-NQ/HNTW ngày 23-01-1995) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhấn mạnh: *“Điều chỉnh hợp lý sự phân công và phối hợp giữa các quan hành chính với viện kiểm sát và tòa án trong các khâu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án”*³, đồng thời chỉ rõ: *“xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thi hành án để bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ xét xử. Đối xử nhân đạo với người bị phạt tù. Có chương trình dạy nghề cho phạm nhân và giới thiệu việc làm cho họ sau khi ra tù, giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập vào cộng đồng xã hội”*⁴.

Để có những chuyển biến mạnh mẽ trong công tác thi hành án hình sự, thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày 02/01/2002 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư

pháp thời gian tới, trong đó chỉ đạo: “Trên cơ sở tổng kết, đánh giá về công tác thi hành án, cần sớm xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thi hành án, bảo đảm các quyết định, bản án của tòa án đã có hiệu lực pháp luật phải được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh”.

Ngày 02-6-2005, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, trong đó xác định: “... xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính bị xử lý theo phán quyết của tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành”; “xác định rõ trách nhiệm của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc thi hành các hình phạt không phải là hình phạt tù để thực hiện nghiêm túc các bản án của tòa án”.

Tiếp đó, ngày 12/03/2014, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 92-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, chỉ đạo: “Tiếp tục thực hiện mô hình thi hành án hình sự như hiện nay. Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn của tòa án nhân dân và ủy ban nhân dân địa phương trong công tác thi hành án”. Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW nêu rõ: “Đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo quy định của Hiến pháp năm 2013”.

Bên cạnh đó, ngày 22-10-2010, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Chỉ thị số 48-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, trong đó chỉ đạo: “Tăng cường và

Quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, nhất là trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước và các cơ quan tư pháp, công tác tư pháp nói chung, công tác thi hành án hình sự nói riêng.

đổi mới công tác cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ những người phạm tội được đặc xá, tha tù... Quan tâm hỗ trợ những người lầm lỗi đã cải tạo tốt để sớm ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng". Ngày 16-8-2021, Bộ Chính trị khóa XIII đã ban hành Kết luận số 13-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW, trong đó nhấn mạnh: *"nghiên cứu, xây dựng các giải pháp phù hợp, thiết thực và đầu tư nguồn lực cho công tác quản lý, cảm hóa, giáo dục, giúp đỡ người đặc xá, chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, tái hòa nhập cộng đồng"...*

Có thể thấy, những quan điểm, chủ trương của Đảng nêu trên là cơ sở chính trị quan trọng để tổ chức thực hiện công tác thi hành án hình sự bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, từng bước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đặt ra trong từng thời kỳ, giai đoạn. Thể chế hóa các quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước ta đã xây dựng hệ thống pháp luật về công tác thi hành án hình sự, như: Pháp lệnh Thi hành án phạt tù năm 1993 (sửa đổi bổ sung năm 2007); Nghị định số 113/2008/NĐ-CP ngày

28/10/2008 của Chính phủ ban hành Quy chế trại giam; Luật Đặc xá năm 2007 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên là cơ sở pháp lý quan trọng để tổ chức hoạt động thi hành án hình sự, bảo đảm sự nghiêm trị, nghiêm minh của pháp luật và tính khoan hồng, nhân đạo, nhân văn của Đảng, Nhà nước ta.

Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi hành án hình sự, những năm qua, công tác thi hành án hình sự đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, các bản án, quyết định hình sự của Tòa án được thi hành nghiêm minh, góp phần quan trọng kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, phục vụ có hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh, trật tự, trong đó đã đạt được một số kết quả nổi bật là:

- *Công tác thi hành án phạt tù:* Các trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ (cơ sở giam giữ phạm nhân) đã thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ đưa người bị kết án tù đi chấp hành án. Đã bảo đảm thực hiện

các quy định của pháp luật về quyền của phạm nhân và thực hiện chế độ, chính sách giáo dục, cải tạo đối với phạm nhân. Công tác giáo dục cải tạo, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân có nhiều đổi mới, mang ý nghĩa nhân văn, tạo môi trường thuận lợi để phạm nhân học tập, lao động, rèn luyện, cải tạo tiến bộ; từng bước thực hiện chủ trương “xã hội hóa” công tác giáo dục, cải tạo phạm nhân.

Các cơ sở giam giữ phạm nhân đã triển khai có hiệu quả các biện pháp nghiệp vụ để nắm tình hình, phát hiện và kịp thời xử lý các vụ việc phức tạp, đột xuất xảy ra; bảo đảm an ninh, an toàn các cơ sở giam giữ, không để xảy ra các vụ gây rối và chống đối tập thể; giảm mạnh số phạm nhân trốn trại.

Bảo đảm thực hiện các quy định của pháp luật về quyền của phạm nhân. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng, Nhà nước đối với những người đang chịu án phạt tù, qua đó khuyến khích, động viên phạm nhân tích cực phấn đấu, lao động, học tập để có đủ điều kiện hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, Nhà nước, sớm chấp hành xong hình phạt để trở về với gia

đình, cộng đồng xã hội.

- *Công tác thi hành án tử hình*: Thực hiện Luật Thi hành án hình sự năm 2010, Luật Thi hành án hình sự năm 2019, hình thức thi hành án tử hình bằng “tiêm thuốc độc” được thay thế cho hình thức “xử bắn” trước đây. Hình thức này được coi là tiến bộ và nhân đạo hơn, giảm thiểu tối đa đau đớn cho người bị kết án, đồng thời giảm bớt áp lực tâm lý cho người tham gia thi hành án, thể hiện chính sách nhân đạo, văn minh của Đảng, Nhà nước đối với người bị kết án tử hình, từng bước đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- *Công tác thi hành án trực xuất*: Việc thi hành án phạt trực xuất được giao cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện. Từ năm 2011 đến nay, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh đã trực xuất đối với 138 trường hợp. Việc trực xuất bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, vừa đảm bảo chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước.

- *Công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng*: Công an các đơn vị, địa

phương đã thực hiện tốt việc tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong tổ chức thi hành án; thực hiện tiếp nhận bản án, quyết định thi hành án, tài liệu, hồ sơ và tổ chức thi hành án. Công an cấp xã đã tham mưu, giúp UBND cấp xã trong thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng, phát huy vai trò chủ công, nòng cốt trong thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

- *Công tác tái hòa nhập cộng đồng:* Thực hiện chính sách thi hành án hình sự nhân văn, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công an chủ trì tham mưu thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù, được được đặc xá; Bộ Công an đã tham mưu Chính phủ ban hành 02 nghị định, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành 02 thông tư và nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác tái hòa nhập cộng đồng. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong lực lượng Công an địa phương và tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành kế hoạch chỉ đạo

các sở, ban, ngành, các cấp chính quyền địa phương tổ chức thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng; thực hiện tốt công tác quản lý cư trú, quản lý nghiệp vụ, qua đó nắm chắc thực trạng, tình hình người chấp hành xong hình phạt tù về cư trú tại địa phương; đồng thời, tham mưu ban hành cơ chế, chính sách, xây dựng các mô hình hỗ trợ giúp đỡ, tạo việc làm cho người chấp hành xong hình phạt tù, tái hòa nhập cộng đồng.

Được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, của cấp ủy, chính quyền các cấp, những năm qua, công tác thi hành án hình sự được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, các bản án, quyết định hình sự của tòa án được bảo đảm thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chung của từng giai đoạn, thời kỳ cách mạng, qua đó góp phần tích cực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ vững và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trước yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước, tiến hành cải cách tư pháp theo đường lối của Đảng, công tác thi hành án hình sự vẫn còn những khó

khăn, tồn tại hạn chế nhất định, như: hệ thống pháp luật về thi hành án hình sự vẫn còn bất cập; cơ sở vật chất bảo đảm thi hành án còn thiếu, lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn; số lượng cán bộ thi hành án tại các cơ sở giam giữ còn thiếu, nhất là cán bộ nữ; người bị kết án gia tăng gây áp lực cho công tác giam giữ; công tác thi hành án tử hình còn gặp nhiều khó khăn; hoạt động xã hội hóa công tác thi hành án hình sự chưa phát huy được hiệu quả....

3. Vấn đề xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự trong tình hình mới

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại, ngay sau khi xuất hiện giai cấp và các hình thức nhà nước. Đây là những tư tưởng mang giá trị tiến bộ, nhân văn, gắn liền với sự phát triển dân chủ, loại trừ chuyên quyền, độc tài, vô chính phủ, vô pháp luật, nhấn mạnh nguyên tắc tuân thủ hiến pháp, pháp luật của nhà nước và công dân. Xây dựng nhà nước pháp quyền trở thành một xu thế khách quan, tất

yếu đối với các quốc gia dân chủ trong thế giới hiện đại, trong đó có Việt Nam.

Những tư tưởng về nhà nước pháp quyền ở Việt Nam đã xuất hiện từ những năm đầu của thế kỷ XX gắn liền với khát vọng của nhân dân ta có một nhà nước độc lập, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân, bảo vệ quyền con người, quyền công dân bằng pháp luật; nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên quy định của pháp luật. Năm 1919, trong bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* gửi tới Hội nghị Véc-xây, Hồ Chí Minh đã đòi thực dân Pháp phải cải cách nền pháp lý ở Đông Dương, phải bãi bỏ chế độ cai trị bằng sắc lệnh và thay thế bằng các đạo luật. Người yêu cầu thực dân Pháp phải ban hành hiến pháp, quản lý nhà nước bằng luật pháp theo tinh thần "*trăm điều phải có thần linh pháp quyền*". Mặc dù trong di sản lý luận của Hồ Chí Minh chưa đề cập đến khái niệm "nhà nước pháp quyền", nhưng tư tưởng của Người về một nhà nước kiểu mới đã thể hiện khá đầy đủ, sâu sắc những đặc trưng của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đó là xây dựng một nhà nước hợp hiến, hợp pháp, theo tinh thần thượng tôn pháp luật, nhà nước



Văn phòng Chủ tịch nước tổ chức họp báo công bố Quyết định đặc xá năm 2021 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam _ Ảnh: baoquocte.vn

của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Điều này đã được hiện thực hóa trong bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 02/9/1945, trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta (năm 1946) và đã trở thành những tư tưởng, quan điểm nền tảng, cốt lõi về xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc các tư tưởng, quan điểm về nhà nước pháp quyền trong lịch sử nhân loại, những giá trị phổ biến trong nội dung

tư tưởng về nhà nước pháp quyền trên thế giới và nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận thức và thực tiễn xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định: “*Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân*”. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định

“bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân”. Theo đó, đặc trưng của nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam là nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp, yêu cầu thượng tôn pháp luật trong đời sống nhà nước và xã hội, mọi vi phạm pháp luật phải được xử lý công minh và kịp thời; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và có điều kiện phát triển toàn diện.

Trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Như vậy, có thể thấy rằng, trong nhà nước pháp quyền, các hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp nói chung, hoạt động thi hành án hình sự nói riêng phải tuân thủ triệt để hiến pháp, pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp

của công dân. Các bản án, quyết định hình sự có hiệu lực pháp luật của tòa án đều phải được thực thi nghiêm chỉnh, có hiệu quả để vừa bảo đảm tính đúng đắn, công bằng, nghiêm minh của pháp luật, bảo đảm cho xã hội trật tự, kỷ cương; vừa bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng của các chủ thể trong công tác thi hành án. Tính nhà nước pháp quyền của hoạt động thi hành án hình sự được thể hiện cụ thể ở việc phải có một hệ thống đầy đủ các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động thi hành án, các chủ thể trong công tác thi hành án (cơ quan quản lý thi hành án, cơ quan thi hành án, cơ quan thực hiện một số nhiệm vụ thi hành án, người bị kết án...) phải tuân thủ hiến pháp, pháp luật trong hoạt động thi hành án, đồng thời công tác này phải được kiểm tra, giám sát để đảm bảo thực thi nghiêm chỉnh, hiệu quả các bản án, quyết định của tòa án, nhằm hướng tới mục đích vì con người, vừa góp phần giáo dục, cải tạo, cảm hóa người chấp hành án, đồng thời góp phần răn đe, giáo dục, phòng ngừa xã hội.

Thời gian tới, tình hình thế giới khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó

lường, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất an ninh trật tự. Các thế lực thù địch, phản động ráo riết thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ với âm mưu, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Chúng sẽ tiếp tục triệt để lợi dụng các chiêu bài “dân chủ” “nhân quyền”, “tự do ngôn luận”, “tự do báo chí” để chống phá Đảng, Nhà nước, gây tác động, ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo đảm an ninh, trật tự nói chung, công tác thi hành án hình sự nói riêng. Trật tự, an toàn xã hội mặc dù được bảo đảm nhưng còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, các loại tội phạm được kiểm chế nhưng tính chất, hậu quả ngày càng nghiêm trọng hơn.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác thi hành án hình sự, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới cần tập trung một số nội dung sau:

Một là, tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc công tác thi hành án hình sự phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước và đặt trong tổng thể, đồng bộ với quá trình cải cách bộ máy

nhà nước, cải cách tư pháp, cải cách hành chính ở nước ta. Công tác này phải tuyệt đối tuân thủ Hiến pháp, các quy định của pháp luật, phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng CAND, đồng thời huy động được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, toàn xã hội và quần chúng nhân dân vào quá trình tổ chức thi hành án, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ của người chấp hành án. Đặc biệt, trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, công tác thi hành án hình sự phải vừa thể hiện tinh thần “*thượng tôn pháp luật*”, bảo đảm các bản án, quyết định hình sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành kịp thời, nghiêm minh, đồng thời bảo đảm tính nhân đạo, nhân văn XHCN trong việc giáo dục, cảm hóa người lầm lỡ, để công tác thi hành án thực sự giúp những người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội sau khi hoàn thành chấp hành án, tái hòa nhập cộng đồng.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu, tham mưu với Đảng, Nhà nước hoàn thiện các chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật về thi hành án hình sự, tái

hòa nhập cộng đồng. Trong đó, cần nghiên cứu, tập trung vào một số nội dung như: áp dụng hình thức thi hành án phạt tù tại gia đình hoặc tại địa bàn cư trú; cơ chế thi hành án hình sự đối với pháp nhân thương mại; nghiên cứu giảm hình phạt tử hình ở một số tội danh và đổi mới cách thức thi hành án tử hình; xã hội hóa công tác thi hành án hình sự; nghiên cứu bổ sung theo hướng mở rộng nhiệm vụ, quyền hạn của công an cấp xã đối với công tác thi hành án hình sự; quan hệ phối hợp và phân công trách nhiệm trong thực hiện tái hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa tái phạm tội đối với người chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn...

Ba là, kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan thi hành án hình sự của Bộ Công an theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu xây dựng lực lượng CAND cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Xây dựng đội ngũ cán bộ thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững các quy định của pháp luật và nghiệp vụ của ngành liên quan đến công tác thi hành án

hình sự. Đặc biệt, phải chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sĩ cảnh sát quản lý trại giam thực sự là những tấm gương tiêu biểu về phẩm chất, đạo đức, lối sống, có đủ uy tín, năng lực, thấu hiểu tâm lý, đạo lý để trở thành những “người thầy” có khả năng lan tỏa, cảm hóa, giáo dục phạm nhân trở thành những người có ích cho xã hội. Đồng thời, phải đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác thi hành án hình sự, nhất là cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ. Nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào hoạt động thi hành án hình sự như: sử dụng robot để thi hành án tử hình; sử dụng camera giám sát, định vị đối với đối tượng thi hành án phạt tù, thi hành án tại cộng đồng.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu, thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác thi hành án hình sự; tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong việc bảo đảm cho người chấp hành xong án phạt tù, đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng, ổn định cuộc sống, ngăn ngừa tái phạm tội. Thực

hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, đường lối, chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng, Nhà nước trong tổ chức thực hiện thi hành án hình sự. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật, hạn chế đến mức tối đa các sai sót trong công tác thi hành án mà các thế lực thù địch, phản động có thể lợi dụng chống phá.

Năm là, đẩy mạnh nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển, hoàn thiện lý luận về công tác thi hành án hình sự phục vụ tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về thi hành án và đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách làm công tác thi hành án hình sự; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm trong xây dựng pháp luật về

thi hành án hình sự với các nước trong khu vực và trên thế giới, góp phần bảo đảm sự tương thích giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật của các nước và các điều ước quốc tế về thi hành án hình sự mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn trong hợp tác quốc tế về thi hành án hình sự.

Sáu là, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền của các cơ quan báo chí, truyền thông và của toàn xã hội về tính nhân đạo, nhân văn XHCN của chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi hành án hình sự. Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, xóa bỏ mặc cảm của xã hội và của đối tượng chấp hành án, tạo điều kiện để họ tái hòa nhập sau khi chấp hành án, trở thành những công dân có ích cho gia đình, cộng đồng và xã hội ■

¹ Điều 106, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

² Điều 31, Bộ Luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015.

^{3,4} ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.54 (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.171, 171.

RA MẮT SÁCH CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG VỀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM



Toàn cảnh lễ ra mắt cuốn sách _ Ảnh: TTXVN

Sáng 9/2, tại Hà Nội, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp Hội đồng Lý luận Trung ương và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức Lễ ra mắt cuốn sách “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ

nghĩa xã hội ở Việt Nam” của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng.

Tham dự Lễ ra mắt có các đồng chí: Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư; Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám

đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; Nguyễn Trọng Nghĩa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương; Lê Minh Hưng, Bí thư Trung ương Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, cùng đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo tổ chức bản thảo, Ban biên tập cuốn sách; đại diện một số thư viện...

Phát biểu tại lễ ra mắt sách, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh Nguyễn Xuân Thắng cho biết, cuốn sách tuyển chọn 29 bài viết, bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng kể từ khi chuẩn bị xây dựng Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đến nay. Nội dung xuyên suốt 29 bài viết là sự phân tích biện chứng, lý giải thấu đáo những câu hỏi lớn về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của Tổng Bí thư.

Các bài viết đã thể hiện rõ và làm sâu sắc thêm bản chất, giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội trên các bình diện chính trị, kinh tế, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... bằng

những ngôn ngữ giàu hình ảnh, cách diễn đạt dung dị, gần gũi, dễ hiểu đối với mọi tầng lớp nhân dân, được chất lọc từ đời sống thực tiễn sinh động của đất nước.

Phát biểu giới thiệu cuốn sách, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương Tạ Ngọc Tấn nhấn mạnh, mục đích xuất bản cuốn sách *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”* của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhằm phục vụ công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết lý luận về đường lối đổi mới và những bài học kinh nghiệm, những vấn đề có tính quy luật từ thực tiễn công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ta trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa ở Việt Nam, tạo nên sự thống nhất tư tưởng trong toàn xã hội, “trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt”, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện những mục tiêu chiến lược mà Đại hội

XIII của Đảng đã đề ra.

Các bài được tuyển chọn trong cuốn sách là những tác phẩm đã đúc kết những thành tựu phát triển lý luận và những kết quả tổng kết thực tiễn mới nhất của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tác phẩm: “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” (báo Nhân dân, ngày 15-5-2021) có ý nghĩa như cơ sở dẫn dắt việc tuyển chọn và sắp xếp các bài viết, bài nói trong cuốn sách, với bốn nội dung cơ bản mà Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã đặt ra trong bài viết đó: 1) Chủ nghĩa xã hội là gì? 2) Vì sao Việt Nam lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa? 3) Làm thế nào và bằng cách nào để từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? 4) Thực tiễn công cuộc đổi mới, đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong thời gian qua có ý nghĩa gì và đặt ra vấn đề gì? Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, các bài viết, bài nói của đồng chí Tổng Bí thư trong cuốn sách này đều là nội dung chỉ đạo, hướng đến đối tượng tiếp nhận là cán bộ, đảng viên, nhằm làm rõ những cơ sở khoa học,

thực tiễn, định hướng nhận thức và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Trong mỗi tác phẩm có thể có những nội dung thể hiện các vấn đề lý luận chung, đồng thời cũng có những nội dung phân tích tình hình thực tế, tổng kết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra của đất nước, của các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Vì thế, việc sắp xếp thứ tự các tác phẩm trong sách chủ yếu căn cứ vào vấn đề chính, trung tâm mà các tác phẩm đó đề cập.

Các chuyên gia, nhà khoa học đánh giá, cuốn sách của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng là tài liệu quý, một công trình có tầm khái quát lý luận cao, tổng kết thực tiễn sâu sắc về những phát triển sáng tạo riêng có của Đảng ta về mô hình chủ nghĩa xã hội Việt Nam, trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Qua nội dung các bài viết của đồng chí Tổng Bí thư trong cuốn sách, chúng ta thêm hiểu, thêm vững tin rằng xã hội xã hội chủ nghĩa với giá trị cốt lõi, bền vững và tốt đẹp mà nhân loại hướng tới là một xã hội “thực sự vì con người; sự phát triển về kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội;



*Các đồng chí lãnh đạo và các đại biểu tham quan khu trưng bày cuốn sách _
Ảnh: nxbctqg.org.vn*

một xã hội nhân ái, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn; sự phát triển bền vững, hài hòa với thiên nhiên để bảo đảm môi trường sống trong lành cho các thế hệ hiện tại và tương lai; một hệ thống chính trị mà quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân, do Nhân dân và phục vụ lợi ích của Nhân dân”. Đây cũng chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn và phấn đấu thực hiện.

Để lan tỏa giá trị của cuốn sách quý đến đông đảo bạn đọc, các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đảng viên..., song song với việc xuất bản sách giấy truyền thống, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật đã xuất bản phiên bản điện tử cuốn sách “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”. Bạn đọc tiếp cận bản điện tử cuốn sách này trên trang Stbook.vn và Thuvienconso.vn.

PV